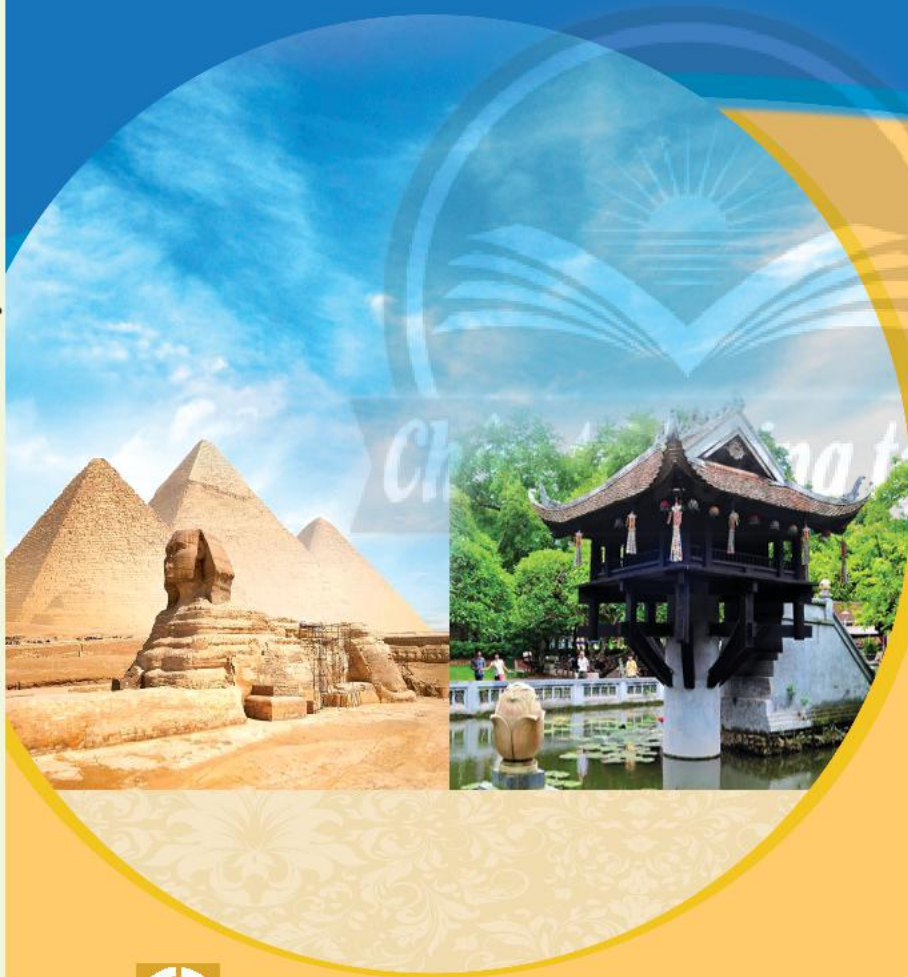




HÀ MINH HỒNG (Chủ biên)
PHẠM THU HÀ – TRẦN THỊ MAI
TRẦN THUẬN – TRẦN NAM TIẾN – NGUYỄN THANH TIẾN
TRẦN THỊ THANH VÂN – NGUYỄN KIM TƯỜNG VY

Bài tập LỊCH SỬ

10



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HÀ MINH HỒNG (Chủ biên)

PHẠM THU HÀ – TRẦN THỊ MAI

TRẦN THUẬN – TRẦN NAM TIẾN – NGUYỄN THANH TIẾN

TRẦN THỊ THANH VÂN – NGUYỄN KIM TƯỜNG VY

Bài tập LỊCH SỬ



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh thân mến!

Các em đang có trong tay cuốn sách **Bài tập Lịch sử 10** (bộ sách **Chân trời sáng tạo**), là người bạn thân thiết đồng hành cùng các em trong quá trình khám phá bí ẩn của các nền văn minh thế giới, khu vực Đông Nam Á và văn minh Việt Nam. Được thiết kế trên nền tảng của Sách giáo khoa **Lịch sử 10** (bộ sách **Chân trời sáng tạo**), sách **Bài tập Lịch sử 10** là công cụ hỗ trợ các thầy, cô giáo và học sinh trong quá trình thực hiện công tác dạy và học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Với những bài tập hấp dẫn, các em sẽ phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử qua việc đọc và giải mã được các loại tư liệu lịch sử (tranh ảnh, hình, lược đồ, sơ đồ,...), đọc – hiểu một văn bản, phân tích, giải thích, nhận định một tư liệu, từ đó biết tái hiện được quá khứ hay nhận thức được một sự thật lịch sử. Những bài tập nhận thức và tư duy lịch sử, vận dụng, kết nối kiến thức với thực tiễn sẽ giúp các em vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học để mô tả, giải thích, so sánh, nhận định, đánh giá,... nhằm giải quyết một số vấn đề liên quan đến cuộc sống hiện tại.

Những dạng bài trong sách là: bài tập – thực hành (điền từ, cụm từ thích hợp; nối cột; giải mã tư liệu; nhận định sự kiện, nhân vật lịch sử; bài tập trắc nghiệm đúng – sai, đưa ra ý kiến của bản thân về một sự kiện hoặc vấn đề lịch sử; bài tập tình huống đặt học sinh vào bối cảnh lịch sử để giải quyết một vấn đề cụ thể có trong chương trình hoặc thực hiện dự án, trải nghiệm sáng tạo.

Hãy mở sách bài tập ra khi nào các em muốn tìm hiểu một vấn đề mà sách giáo khoa chưa giải thích rõ, chưa đáp ứng nhu cầu tìm hiểu về một sự kiện, hiện tượng hay một nhân vật lịch sử nào đó.

Chúc các em có những trải nghiệm thật vui vẻ, chủ động khám phá Lịch sử và yêu thích bộ môn ngày một nhiều.

CÁC TÁC GIẢ

LỊCH SỬ VÀ SỬ HỌC VAI TRÒ CỦA SỬ HỌC

**Bài
1**

HIỆN THỰC LỊCH SỬ VÀ NHẬN THỨC LỊCH SỬ

CÂU 1. Em hãy giải ô chữ hàng ngang dựa theo những gợi ý dưới đây và tìm ô chữ chủ.

– Ô số 1 (9 chữ cái): Thái độ quan trọng và cần thiết trong nghiên cứu lịch sử.

– Ô số 2 (6 chữ cái): Một biến cố, kỉ niệm,... mang tính chất lễ nghi, tôn vinh,... diễn ra trong một dịp đặc biệt.

– Ô số 3 (9 chữ cái): Một đức tính quan trọng bậc nhất của người viết sử.

– Ô số 4 (6 chữ cái): Từ chỉ sự phát triển theo hướng tốt hơn trước, phù hợp với sự phát triển của lịch sử.

– Ô số 5 (9 chữ cái): Một phương pháp nghiên cứu lịch sử, kết hợp nhiều ngành để đạt hiệu quả cao.

– Ô số 6 (7 chữ cái): Thành tựu văn minh cơ bản, dùng để lưu trữ và phát triển tri thức.

Ô chữ chủ: (6 chữ cái) là

	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1														
2														
3														
4														
5														
6														

CÂU 2. Hãy đọc đoạn lời tựa của nhà bác học Lê Quý Đôn khi viết tác phẩm Đại Việt thông sử vào thế kỉ XVIII:

“Đại để phép làm sử là phải: mỗi sự kiện đều nhật đủ không bỏ sót, để cho người ta sau khi mở sách ra xem, rõ được manh mối, biết được đầu đuôi, tuy không được mắt thấy tai nghe, mà rõ ràng như chính mình được thấy ... cố nhiên không nên chép rườm rà nhưng nếu có việc gì thuộc về nghị luận quan trọng và chế tác to lớn thì đều phải theo từng việc mà chép đủ ngày tháng”.

(Lê Quý Đôn, Ngô Thế Long dịch, *Đại Việt thông sử*, quyển 2, NXB Trẻ và NXB Hồng Bàng, TP. Hồ Chí Minh, năm 2012, trang 13 – 14)

Từ đoạn văn trên, em hãy cho biết nguyên tắc viết sử của nhà bác học Lê Quý Đôn có gì giống và khác nhau với nguyên tắc nghiên cứu lịch sử hiện nay.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CÂU 3. Hãy phân loại và nêu chức năng của các loại sử liệu Lê Quý Đôn dùng để viết Đại Việt thông sử vào thế kỉ XVIII thông qua đoạn văn sau:

“Nay bắt đầu biên soạn thì thực lục lại chép sơ lược sai lầm, chưa thể căn cứ hoàn toàn vào đấy, lại phải tìm cả các sách tạp, các bản sót, các liệt truyện, các dã sử, văn khắc vào bia vào đình, gia phả của các thế gia, cùng là các bản sao chép của các học giả Bắc triều,... Tạm xin chép đúng năm tháng, nhặt nhạnh những việc mất mát bổ sung vào chỗ sử trước chưa đủ, ghi lại việc cũ cho đời sau, may ra văn hiến có đủ chứng cứ có thể kê cứu việc cũ, có thể để lại gương sau...”

(Lê Quý Đôn, Ngô Thế Long dịch, Đại Việt thông sử, quyển 2, sdd, trang 15 – 16)

– Các sử liệu:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

– Chức năng:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

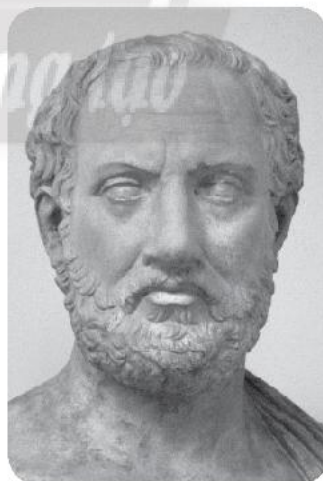
.....

.....

CÂU 4. Em hãy hoàn thành cây phả hệ gia đình 3 thế hệ từ thời ông bà đến thời của em.



CÂU 5. Quan sát Hình 1.1 và hãy cho biết vì sao Tuy-xi-dít (Thucydides) được xem là “Cha đẻ của khoa học lịch sử”. Em có đồng ý với nhận định này không? Hãy giải thích.



Hình 1.1. Tượng bán thân đúc bằng thạch cao của Tuy-xi-dít ở phòng trưng bày tại Giu-ráp Tơ-se-te-li (Zurab Tsereteli) ở Mát-xcơ-va (Moscow).

4. Sử gia là

- A. viên quan chuyên việc chép sử thời phong kiến.
- B. nhà nghiên cứu và biên soạn lịch sử, nhà sử học.
- C. cơ quan lưu trữ các sách lịch sử thời phong kiến.
- D. cơ quan biên soạn, ghi chép lịch sử thời phong kiến.

5. Quốc sử quán là cơ quan

- A. lưu trữ các tư liệu lịch sử thời hiện đại.
- B. nghiên cứu khoa học lịch sử thời hiện đại.
- C. lưu trữ các sách lịch sử thời phong kiến.
- D. biên soạn, ghi chép lịch sử thời phong kiến.

6. Viện sử học là cơ quan

- A. lưu trữ các tư liệu lịch sử thời hiện đại.
- B. lưu trữ các sách lịch sử thời phong kiến.
- C. nghiên cứu khoa học lịch sử thời hiện đại.
- D. biên soạn, ghi chép lịch sử thời phong kiến.

7. Trong nghiên cứu Sử học, nguyên tắc nào dưới đây là quan trọng nhất?

- A. Lịch sử và logic.
- B. Lịch sử và cụ thể.
- C. Khách quan và toàn diện.
- D. Trung thực và tiến bộ.

8. Phương pháp logic khác phương pháp lịch sử là phải thấy được

- A. quy luật phát triển tất yếu của sự vật, hiện tượng.
- B. toàn bộ quá trình phát triển của sự vật, hiện tượng.
- C. tính liên tục trong quá trình phát triển của sự vật.
- D. sự gắn kết của không gian, thời gian, con người.

9. Để tìm ra điểm tương đồng hoặc khác biệt của giáo dục thời phong kiến với giáo dục hiện đại ở Việt Nam, chúng ta phải sử dụng phương pháp nghiên cứu Sử học nào?

- A. Phân kì.
- B. Thống kê.
- C. So sánh đồng đại.
- D. So sánh lịch đại.

10. Để tìm ra điểm chung của các cuộc cách mạng tư sản Anh, Pháp, Mỹ, chúng ta sẽ dùng phương pháp

- A. phân kì.
- B. thống kê.
- C. so sánh đồng đại.
- D. so sánh lịch đại.

CÂU 1. Em hãy kể tên một đồ vật gia truyền hay một tục lệ riêng của gia đình em vẫn được duy trì đến ngày nay. Giải thích vì sao có đồ vật hoặc tục lệ này.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CÂU 2. Hãy đọc tư liệu dưới đây và cho biết Trần Hưng Đạo đã tìm hiểu và kế thừa những sử liệu nào để làm nên chiến thắng Bạch Đằng năm 1288. Qua bài học này, em có thể học được điều gì có ích cho cuộc sống của bản thân?

“Miếu Vua Bà đặt cạnh đền thờ Trần Hưng Đạo bên dòng sông Bạch Đằng lịch sử thuộc phường Yên Giang, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

Theo các cụ quản lí di tích miếu Vua Bà kể lại: Xưa kia có bà bán hàng nước bên gốc cây Quếch cổ thụ. Trước khi trận chiến Bạch Đằng xảy ra, Trần Hưng Đạo đã đi thị sát vùng cửa sông Bạch Đằng và đã hỏi bà hàng nước về con nước thủy triều lên xuống. Bà đã cung cấp cho Trần Hưng Đạo lịch con nước thủy triều và địa thế lòng sông để Trần Hưng Đạo xây dựng trận địa cọc và bố trí quân mai phục. Bà còn mách bảo trại Yên Hưng nhiều cỏ cây dễ cháy hãy làm bè mảng mà thiêu đốt thuyền giặc. Sau khi thắng giặc, Trần Hưng Đạo đã quay lại tìm bà hàng nước nhưng không thấy, liền xin vua Trần sắc phong bà làm Vua Bà và lập miếu thờ bên cạnh cây Quếch cổ thụ.”

(Nguồn: <http://quangyen.vn/TinTuc/71-759/di-tich-bach-dang/mieu-vua-ba.htm#di-tich-bach-dang>)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CÂU 3. Em hãy giải ô chữ hàng ngang dựa theo những gợi ý dưới đây và tìm ô chữ chủ.

- Ô số 1 (13 chữ cái): Nơi diễn ra ba trận thuỷ chiến quan trọng thời Ngô, Tiền Lê và Trần.
- Ô số 2 (17 chữ cái): Hai trận quyết chiến chiến lược trong khởi nghĩa Lam Sơn.
- Ô số 3 (13 chữ cái): Tuyến phòng thủ quan trọng của nhà Lý trong trận chiến chống quân xâm lược Tống.
- Ô số 4 (14 chữ cái): Nguyễn Huệ đánh tan quân Xiêm trong trận đánh lịch sử nào?
- Ô số 5 (11 chữ cái): Chiến thắng lịch sử buộc Pháp kí Hiệp định Giơ-ne-vơ (Genève).

0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1																	
2																	
3																	
4																	
5																	

Ô chữ chủ (12 chữ cái trong ô xám đậm): Một trong những giá trị quan trọng của khoa học Lịch sử đối với hiện tại và tương lai là.....

CÂU 4. Em hãy lập hồ sơ thông tin về di sản văn hoá thế giới Hoàng thành Thăng Long. Hãy nêu suy nghĩ của em về giá trị của di tích đối với cuộc sống xã hội Việt Nam hôm nay và mai sau.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CÂU 5. Hãy kể một số tri thức lịch sử, bài học lịch sử em tiếp nhận trong quá trình học tập môn Lịch sử được em vận dụng vào thực tiễn.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CÂU 6. Em hiểu như thế nào là cội nguồn? Vì sao con người có nhu cầu tìm hiểu về cội nguồn của bản thân và xã hội?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CÂU 7. Theo em, quá khứ có mối quan hệ như thế nào với hiện tại và tương lai? Những bài học kinh nghiệm trong lịch sử có giá trị như thế nào?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CÂU 8. Hãy kể 3 tri thức lịch sử, bài học lịch sử mà em tiếp nhận và vận dụng vào thực tiễn.

.....

.....

.....

.....

.....

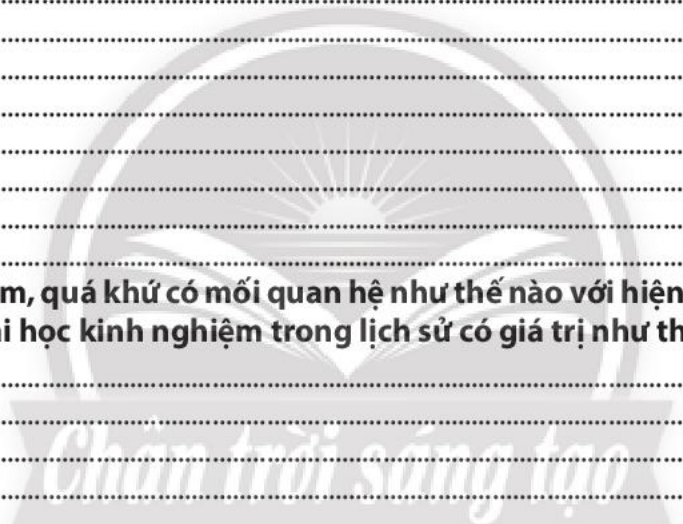
.....

.....

.....

.....

.....



CÂU 9. Hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

1. Tri thức lịch sử là tất cả

- A. những hiểu biết có hệ thống về các sự vật, hiện tượng trong quá khứ của nhân loại.
- B. các quy luật lịch sử có ý nghĩa thiết thực đối với sự tiến bộ của xã hội loài người.
- C. hiện tượng siêu nhiên đã tác động mạnh đến tiến trình phát triển xã hội loài người.
- D. các sự vật, hiện tượng đã diễn ra trong quá khứ theo ý muốn chủ quan của con người.

2. Những tri thức lịch sử đã được con người nhận thức thể hiện dưới dạng nào dưới đây?

- A. Sách, báo, băng ghi âm, bí quyết, kĩ năng,...
- B. Kĩ năng, kinh nghiệm, niềm tin, bí quyết,...
- C. Tác phẩm sử học, bí quyết, kĩ năng thực hành,...
- D. Văn bản, tác phẩm sử học, kết quả nghiên cứu,...

3. Nội dung nào dưới đây không đúng khi nói về dạng tồn tại của tri thức lịch sử từ trải nghiệm thực tế?

- A. Văn bản, tài liệu, tác phẩm sử học, kết quả nghiên cứu, ... được tiếp nhận qua hệ thống giáo dục.
- B. Niềm tin, giá trị, kinh nghiệm, bí quyết, kĩ năng, ... được mỗi cá nhân tự rèn luyện, tích lũy từ thực tế.
- C. Văn bản, tài liệu, tác phẩm sử học, kết quả nghiên cứu, ... được mỗi cá nhân tự nghiên cứu và tích lũy.
- D. Niềm tin, giá trị, kinh nghiệm, bí quyết, kĩ năng, ... được mỗi cá nhân tiếp nhận qua hệ thống giáo dục.

4. Nội dung nào dưới đây không đúng khi nói về dạng tồn tại của tri thức lịch sử được tiếp nhận qua hệ thống giáo dục?

- A. Văn bản, tài liệu, tác phẩm sử học, kết quả nghiên cứu, ... được mỗi cá nhân tự nghiên cứu và tích lũy.
- B. Niềm tin, giá trị, kinh nghiệm, bí quyết, kĩ năng, ... được mỗi cá nhân tự rèn luyện, tích lũy từ thực tế.
- C. Văn bản, tài liệu, tác phẩm sử học, kết quả nghiên cứu, ... được tiếp nhận qua hệ thống giáo dục.
- D. Niềm tin, giá trị, kinh nghiệm, bí quyết, kĩ năng, ... được mỗi cá nhân tiếp nhận qua hệ thống giáo dục.

5. Các bước thu thập thông tin, sử liệu làm giàu tri thức gồm:

- A. xác định vấn đề, xác định đánh giá, sưu tầm sử liệu, chọn lọc – phân loại.
- B. xác định vấn đề, sưu tầm sử liệu, chọn lọc – phân loại, xác định đánh giá.
- C. xác định vấn đề, thẩm định sử liệu, chọn lọc – phân loại, xác định đánh giá.
- D. xác định vấn đề, sưu tầm sử liệu, thẩm định sử liệu, xác định đánh giá.

6. Nội dung nào dưới đây không phải là bước xác định vấn đề khi thu thập thông tin, sử liệu làm giàu tri thức?

- A. Chọn lọc, phân loại các nguồn sử liệu phù hợp.
- B. Xác định vấn đề, đối tượng nghiên cứu.
- C. Đề xuất phương pháp thực hiện.
- D. Lập thư mục, danh sách nguồn sử liệu cần thu thập.

7. Để sưu tầm tư liệu, người nghiên cứu phải

- A. chọn lọc, phân loại các nguồn sử liệu phù hợp.
- B. xác định độ tin cậy, tính xác thực của nguồn sử liệu đã thu thập.
- C. lập thư mục, danh sách nguồn sử liệu cần thu thập.
- D. ghi chép các thông tin liên quan đến vấn đề, đối tượng nghiên cứu.

8. Việc dạy và học lịch sử dân tộc ở trường phổ thông có ý nghĩa và giá trị nào dưới đây?

- A. Mỗi dân tộc tự nhận thức chính mình trong quan hệ quốc tế.
- B. Tạo cơ sở để học hỏi, giao lưu, hội nhập quốc tế.
- C. Tạo điểm tựa cho lòng tin vào sức mạnh của dân tộc.
- D. Hình thành tinh thần yêu nước và niềm tự hào dân tộc.

9. Một bản triều Nguyễn chứa đựng những tri thức lịch sử thuộc dạng nào dưới đây?

- A. Tri thức ẩn, thu được từ sự trải nghiệm thực tế thành kĩ năng của mỗi cá nhân.
- B. Tri thức hiện, đã được hiểu biết, nhận thức, thường được thể hiện cụ thể qua văn bản.
- C. Tri thức ẩn, đã được hiểu biết, nhận thức, thường được thể hiện cụ thể qua văn bản.
- D. Tri thức hiện, thu được từ sự trải nghiệm thực tế thành kĩ năng của mỗi cá nhân.

10. Ở Việt Nam, nơi nào dưới đây tập trung đa dạng các sử liệu góp phần phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập, tham quan và hưởng thụ văn hoá của công chúng?

- A. Bảo tàng.
- B. Thư viện.
- C. Trung tâm lưu trữ.
- D. Nhà văn hoá.

CÂU 1. Hãy xác định các câu dưới đây đúng (Đ) hay sai (S) về nội dung lịch sử. Ghi Đ hoặc S vào .

- A.** Các nhà sử học dựa vào ngành Cổ sinh học và Khảo cổ học để phục dựng lại lịch sử.
- B.** Các nhà sử học dựa vào các ngành khoa học tự nhiên và khoa học xã hội để phục dựng lại lịch sử.
- C.** Các nhà sử học dựa vào các nguồn sử liệu: gốc, hiện vật, chữ viết, truyền miệng,... để phục dựng lại lịch sử.
- D.** Các nhà sử học dựa vào trí tưởng tượng, phán đoán cá nhân về các nguồn sử liệu để phục dựng lại lịch sử.

CÂU 2. Hãy chọn từ hoặc cụm từ phù hợp để hoàn thành đoạn thông tin dưới đây.

.....là các ngành nghiên cứu con người và xã hội loài người, cách con người tương tác với nhau, phát triển thành văn hoá và ảnh hưởng đến thế giới.....là khoa học xã hội, có đối tượng nghiên cứu rộng, phản ánh đầy đủ bức tranh toàn diện của đời sống con người và xã hội loài người.

CÂU 3. Em hãy giải ô chữ hàng ngang dựa theo những gợi ý dưới đây và tìm ô chữ chủ.

1. (9 chữ cái): Ngành khoa học nghiên cứu lịch sử phát triển của sự sống trên Trái Đất, các loài động vật và thực vật cổ xưa, dựa vào các hoá thạch tìm được.
2. (5 chữ cái): Ngành khoa học nghiên cứu về quy luật và tính quy luật của xã hội.
3. (8 chữ cái): Ngành khoa học nghiên cứu hệ thống tổ chức, ghi chép thời gian thuận tiện cho cuộc sống, các nghi lễ tôn giáo, các mục đích lịch sử và khoa học.
4. (9 chữ cái): Lĩnh vực đa ngành nghiên cứu về nguồn gốc, lịch sử, sự phát triển của cơ thể, tâm lí,... của các giống người.

5. (7 chữ cái): Khoa học của các con số, nghiên cứu về các số, cấu trúc, không gian và các phép biến đổi, tính toán, đo lường, môn học về "hình và số".

6. (6 chữ cái): Khoa học nghiên cứu hoạt động của con người trong quá khứ, bằng cách tìm kiếm, phục chế, sắp xếp và nghiên cứu những chi tiết văn hoá và dữ liệu môi trường liên quan.

7. (9 chữ cái): Một trong những lĩnh vực là đối tượng mà Sử học nghiên cứu, bao gồm: điêu khắc, hội hoạ, âm nhạc,...

0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1									
2									
3									
4									
5									
6									
7									

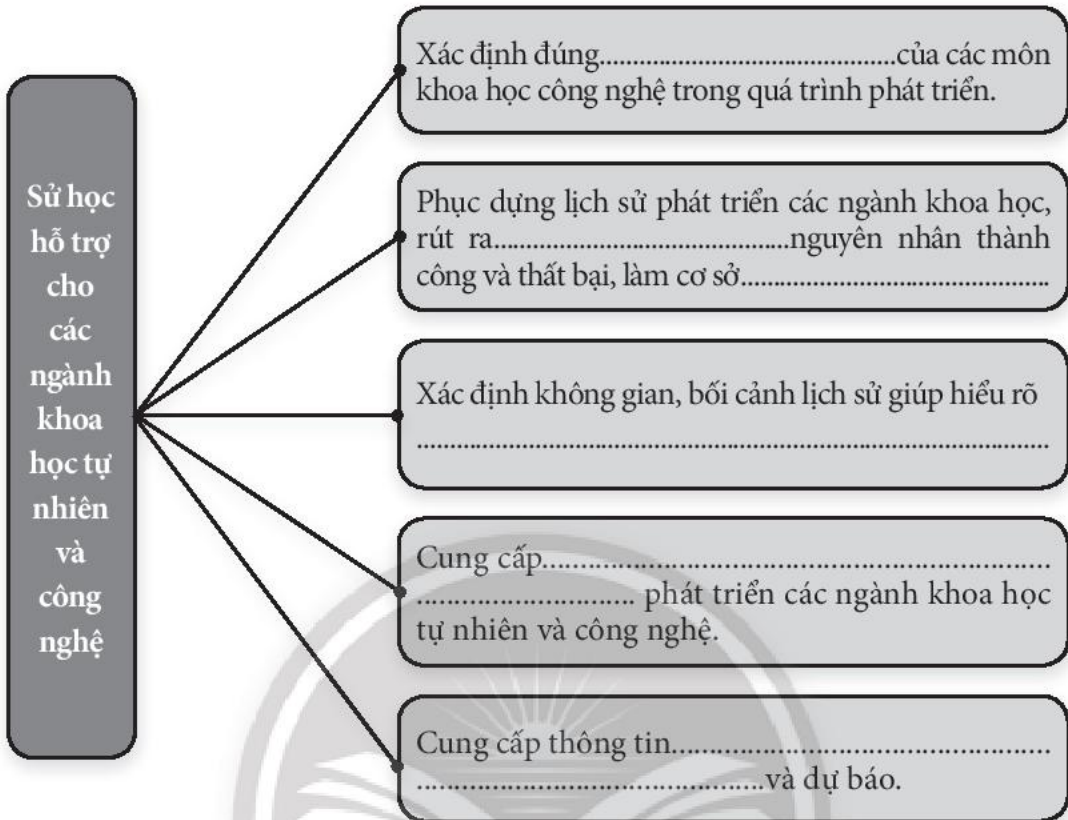
Ô chữ chủ 1 (7 chữ ô màu xám nhạt): Một trong những cách thức nghiên cứu toàn diện về con người và xã hội loài người của Sử học là

Ô chữ chủ 2 (9 chữ ô màu xám đậm): Một trong những phương pháp nghiên cứu của Sử học, tiếp cận lí thuyết nghiên cứu của các ngành khoa học khác gọi là gì?

CÂU 4. Hoàn thành bảng dưới đây:

SỰ TƯƠNG TÁC	VAI TRÒ	GIẢI THÍCH	KẾT TÊN
Sử học hỗ trợ cho các ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.	<ul style="list-style-type: none"> – Thông tin về – Xác định rõ..... – Dự báo..... 	Cả hai đều có đối tượng nghiên cứu là..... nên cần thiết phải hỗ trợ lẫn nhau, tạo cơ sở, điều kiện, phương tiện, phương pháp nghiên cứu.	Các ngành khoa học xã hội và nhân văn hỗ trợ nghiên cứu Sử học:.....
Các ngành khoa học xã hội và nhân văn khác hỗ trợ Sử học.	Tìm hiểu, nghiên cứu lịch sử trên các phương diện		

CÂU 5. Hoàn thành sơ đồ dưới đây:



CÂU 6. Các tác phẩm trong hình dưới đây có được xem là tác phẩm lịch sử không? Giải thích. Em hãy rút ra vai trò của lịch sử với ngành khoa học tự nhiên thông qua các tác phẩm này.



.....

.....

.....

.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
CÂU 7. Hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

1. Sử học là môn khoa học có tính chất liên ngành vì

- A. phạm vi nghiên cứu nhỏ hẹp và phức tạp.
- B. lĩnh vực nghiên cứu đơn giản.
- C. đối tượng nghiên cứu đa dạng và toàn diện.
- D. đối tượng nghiên cứu hẹp và sâu.

2. Việc sử dụng tri thức từ các ngành khoa học khác nhau để nghiên cứu giúp Sử học giải quyết vấn đề một cách

- A. toàn diện, cụ thể và chính xác.
- B. toàn diện và chính xác tuyệt đối.
- C. cụ thể và đơn giản.
- D. đơn giản và hiệu quả.

3. Với các ngành khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên và công nghệ, Sử học có khả năng

- A. hợp nhất.
- B. liên kết.
- C. nghiên cứu độc lập.
- D. hợp nhất từng ngành.

4. Với các ngành khoa học xã hội và nhân văn khác, Sử học không có khả năng nào dưới đây?

- A. Cung cấp thông tin về bối cảnh hình thành, phát triển.
- B. Xác định rõ những nhân tố tác động đến quá trình hình thành, phát triển.
- C. Dự báo xu hướng vận động phát triển trong tương lai.
- D. Xử lý dữ liệu, hỗ trợ kĩ thuật và công nghệ tiên tiến, hiện đại để tiếp cận.

5. Giá trị quan trọng của Sử học với sự phát triển của các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ thể hiện qua nội dung nào dưới đây?

- A. Cung cấp thông tin quá khứ, hiện tại về bối cảnh hình thành, phát triển.
- B. Xác định không gian, bối cảnh lịch sử, vị trí, vai trò hình thành, phát triển.
- C. Rút ra đặc điểm, bài học kinh nghiệm, nguyên nhân thành công và thất bại, làm cơ sở phát triển trong tương lai.
- D. Góp phần cung cấp những tri thức, kĩ thuật và xử lí dữ liệu, hỗ trợ các phương pháp tiên tiến, hiện đại để tiếp cận.

6. Việc sử dụng tri thức từ ngành khoa học tự nhiên để nghiên cứu, giúp Sử học thực hiện được chức năng, nhiệm vụ nào?

- A. Khoa học.
- B. Kinh tế.
- C. Chính trị.
- D. Xã hội.

7. Việc sử dụng tri thức từ các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ trong nghiên cứu Sử học giúp nhận thức được đặc điểm nào dưới đây của con người trong quá trình vận động và phát triển của xã hội?

- A. Sự sáng tạo.
- B. Tính kỉ luật.
- C. Tính cộng đồng.
- D. Sự liên kết.

8. Hai chức năng cơ bản của Sử học là

- A. chức năng khoa học và chức năng xã hội.
- B. chức năng chính trị và chức năng xã hội.
- C. chức năng chính trị và chức năng kinh tế.
- D. chức năng khoa học và chức năng kinh tế.

9. Hai nhiệm vụ chủ yếu của Sử học là

- A. dự báo xu hướng vận động và phát triển trong tương lai.
- B. trang bị tri thức khoa học và giáo dục, nêu gương.
- C. xác định và kiểm chứng các nhân tố tác động đến quá trình phát triển.
- D. xác định không gian và bối cảnh lịch sử hình thành, phát triển xã hội.

10. Ba nguyên tắc cơ bản của Sử học là

- A. khách quan, trung thực và tiến bộ.
- B. tổng hợp, toàn diện và cụ thể.
- C. khách quan, tổng hợp và toàn diện.
- D. tổng hợp, toàn diện và trung thực.

CÂU 1. Chọn các từ hoặc cụm từ dưới đây, điền vào chỗ trống (.....) cho phù hợp để làm rõ khái niệm di sản văn hoá và mối quan hệ của Sử học với các di sản văn hoá.

*Sử học bền vững di sản văn hoá bức tranh lịch sử
tinh thần, vật chất kinh tế, xã hội sự kiện, hiện tượng, nhân vật
lịch sử, văn hoá, khoa học xã hội loài người trùng tu, tôn tạo, bảo tồn
và phát huy*

Di sản văn hoá là những sản phẩm có giá trị,
....., được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.....
.....nghiên cứu các trong lịch sử
....., góp phần phục dựng lại Kết quả nghiên
cứu của khẳng định giá trị của các, là
cơ sở các giá trị của di sản
văn hoá, đảm bảo sự phát triển của mỗi quốc gia, dân
tộc, góp phần đem lại những hiệu quả thiết thực cho sự phát triển

CÂU 2. Từ thông tin dưới đây, em hãy cho biết vì sao phải bảo tồn di tích lịch sử, văn hoá. Hãy nêu một số biện pháp cụ thể để bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá và di tích lịch sử ở Việt Nam.

“Được UNESCO ghi danh là Di sản văn hoá thế giới từ năm 1993 nhưng Quần thể di tích Cố đô Huế thường xuyên phải đối mặt với nạn xâm hại. Ngày 21 – 11 – 2017, lăng mộ của bà Trần Thị Nga – mẹ vua Dục Đức bị kẻ gian đập phá, đào bới, khiến nhiều người đau lòng. Đáng buồn hơn, trước đó, nhiều di tích, hiện vật khác như lăng Khải Định, Trường Quốc Tử Giám, bia Quốc học, Cửu vị thần công, Phu Văn Lâu, Chùa Thiên Mụ... cũng bị tàn phá nghiêm trọng, chủ yếu là do ý thức kém của người dân cũng như khách tham quan. Theo thông tin từ Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế, tổng mức đầu tư dự kiến cho dự án bảo tồn, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích Cố đô Huế trong giai đoạn 2016 – 2020 lên đến 1 274 tỉ đồng. Một số tiền lớn nhưng nếu xét từ mức độ xâm hại, phá hoại di tích đang diễn ra tại Huế hiện nay thì số tiền này vẫn chỉ như “muối bỏ bể”.

(Nguồn: <https://nhandan.vn/binh-luan-phe-phan/nguy-co-bien-mat-nhieu-di-tich-lich-su-311448>)

Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá là vì

.....
.....
.....

Một số biện pháp để bảo tồn các di sản văn hoá, di sản thiên nhiên:

.....
.....
.....
.....

CÂU 3. Sử học có vai trò như thế nào với một số ngành, nghề trong lĩnh vực công nghiệp văn hoá? Em hãy tìm hiểu mối liên hệ giữa một số ngành nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp văn hoá với Sử học và điền vào chỗ trống (.....) dưới đây.

Sử học có vai trò.....

Sử học cung cấp.....

.....Các ngành nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp văn hoá cung cấp.....

.....
.....

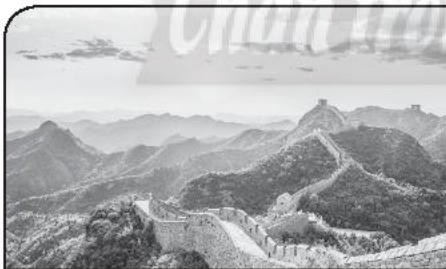
CÂU 4. Em hiểu như thế nào về làng nghề truyền thống? Hãy kể tên một số làng nghề truyền thống ở Việt Nam mà em biết.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

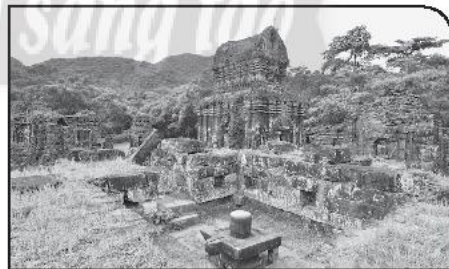
CÂU 5. Lập bảng thống kê các di sản văn hoá Việt Nam theo các tiêu chí dưới đây.

STT	Di sản văn hoá	Ý nghĩa, giá trị văn hoá, lịch sử	Giá trị được phát huy trong công nghiệp văn hoá
1	Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương
2	Lễ hội Nghinh Ông
3	Tổng số di sản được UNESCO ghi danh công nhận	- Vật thể:..... - Phi vật thể:..... - Thiên nhiên:..... - Hỗn hợp:.....

CÂU 6. Các hình dưới đây thuộc loại hình di sản văn hoá nào? Theo em, Sử học có mối quan hệ như thế nào đến việc bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích lịch sử, di sản văn hoá?



Hình 4.1. Vạn Lý Trường Thành



Hình 4.2. Thánh địa Mỹ Sơn



Hình 4.3. Lễ hội chùa Hương



Hình 4.4. Quảng trường La Mã

3. Di sản văn hoá Việt Nam được sử dụng không nhằm mục đích nào dưới đây?

- A. Phát huy giá trị di sản văn hoá vì lợi ích của toàn xã hội.
- B. Phát huy truyền thống tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
- C. Góp phần sáng tạo những giá trị văn hoá mới, làm giàu kho tàng di sản văn hoá Việt Nam và mở rộng giao lưu văn hoá quốc tế.
- D. Góp phần biến đổi những giá trị văn hoá xưa, làm cơ sở phát triển văn hoá Việt Nam và mở rộng giao lưu văn hoá quốc tế.

4. Sử học có vai trò như thế nào với việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hoá?

- A. Nghiên cứu các sự kiện, nhân vật lịch sử, phục dựng bức tranh lịch sử, từ đó nghiên cứu cách thức bảo tồn các giá trị của di sản.
- B. Kết quả nghiên cứu của Sử học khẳng định giá trị của các sự kiện, nhân vật lịch sử, di sản văn hoá.
- C. Kết quả nghiên cứu của Sử học là cơ sở chính để các nhà sử học thực hiện công tác bảo tồn và phát huy các giá trị của di sản.
- D. Phục dựng bức tranh lịch sử, khẳng định giá trị của các di sản, là cơ sở bảo tồn và phát huy các giá trị của di sản.

5. Di sản văn hoá là những sản phẩm tinh thần, vật chất, được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, có giá trị

- A. lịch sử, văn hoá, khoa học.
- B. khoa học, kinh tế, chính trị.
- C. kinh tế, giáo dục, văn hoá.
- D. khoa học, kinh tế, văn hoá.

6. Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá là hoạt động

- A. tìm kiếm, lưu giữ và bảo vệ các giá trị di sản.
- B. phát triển và lan toả các giá trị di sản.
- C. lưu giữ, bảo vệ và lan toả các giá trị của di sản.
- D. quy hoạch, lưu giữ và bảo vệ các di sản.

- 7. Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá không phải là hoạt động**
- A. tiến hành xây mới các di tích, hiện đại hoá di tích.
 - B. đảm bảo sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia, dân tộc.
 - C. đem lại hiệu quả thiết thực phát triển kinh tế, xã hội.
 - D. hình thành ý thức trách nhiệm với cộng đồng xã hội và thế hệ mai sau.
- 8. Các loại hình di sản văn hoá (vật thể, phi vật thể, hỗn hợp,...) đều có vai trò là**
- A. di sản văn hoá đặc biệt.
 - B. di sản văn hoá quốc gia.
 - C. nguồn sử liệu quan trọng đặc biệt.
 - D. di tích lịch sử quan trọng đặc biệt.
- 9. Sử học có vai trò nào dưới đây đối với sự phát triển của một số ngành nghề trong lĩnh vực công nghiệp văn hoá?**
- A. Phát huy, quảng bá các giá trị của lịch sử, văn hoá dân tộc.
 - B. Thúc đẩy tri thức lịch sử và văn hoá nhân loại phát triển.
 - C. Giáo dục các thế hệ, tôn vinh các giá trị lịch sử, văn hoá.
 - D. Cơ sở hình thành ý tưởng và nguồn cảm hứng hoạt động.
- 10. Công nghiệp văn hoá có vai trò nào dưới đây đối với sự phát triển của Sử học?**
- A. Phát huy, quảng bá các giá trị của lịch sử, văn hoá dân tộc.
 - B. Cung cấp những tri thức liên quan đến khoa học lịch sử.
 - C. Nghiên cứu và đề xuất các chiến lược phát triển bền vững.
 - D. Cơ sở hình thành ý tưởng và nguồn cảm hứng hoạt động.
- 11. Lịch sử và văn hoá có vai trò như thế nào đến sự phát triển du lịch?**
- A. Cung cấp bài học kinh nghiệm, là cơ sở hình thành ý tưởng xây dựng chiến lược phát triển.
 - B. Mang lại nguồn lực hỗ trợ hiệu quả cho công tác bảo tồn các di tích lịch sử, văn hoá.
 - C. Cung cấp thông tin để Sử học nghiên cứu, đề xuất giải pháp bảo tồn và phát triển bền vững.
 - D. Quảng bá lịch sử, văn hoá cộng đồng, kết nối và nâng cao vị thế và giá trị lịch sử, văn hoá.

MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI KÌ CỔ – TRUNG ĐẠI

Bài 5

KHÁI QUÁT LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI CỔ – TRUNG ĐẠI

CÂU 1. Điền vào chỗ trống các thông tin cho sẵn để làm rõ khái niệm văn hoá, văn minh.

văn hoá

lịch sử

phát triển cao

dã man, nguyên thủy

vật chất và tinh thần

văn minh

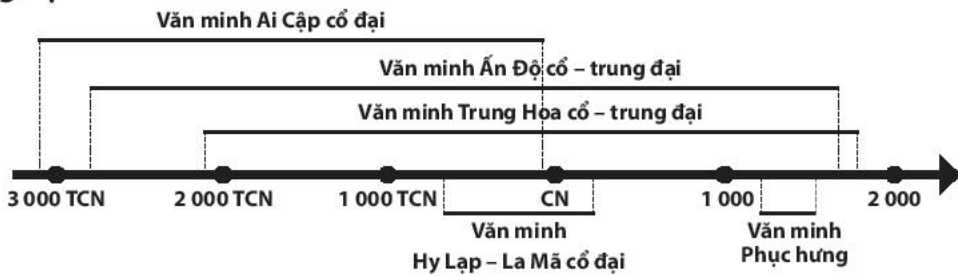
Văn hoá là những giá trị mà loài người sáng tạo ra trong..... Văn hoá có trước, phát triển đến một trình độ nào đó thì mới ra đời.

Văn minh là những giá trị mà loài người sáng tạo ra trong giai đoạn của xã hội. Văn minh xuất hiện dựa trên quá trình tích lũy sáng tạo những....., văn minh ra đời sẽ thúc đẩy phát triển. Trái với văn minh là

CÂU 2. Em hãy điền vào chỗ trống trong bảng dưới đây để phân biệt văn hoá và văn minh.

	VĂN HOÁ	VĂN MINH
KHÁC NHAU
ĐẶC ĐIỂM	– Bề dày..... – Có tính.....	– Bề dày..... – Có tính.....
MỐI QUAN HỆ ra đời trước, phát triển đến trình độ nào đó thì..... ra đời..... là quá trình tích lũy những sáng tạora đời sẽ thúc đẩy..... phát triển.	

CÂU 3. Dựa vào Hình 5.1, em hãy nhận xét về thời gian hình thành và lịch sử phát triển của các nền văn minh phương Đông và phương Tây thời kì cổ đại – trung đại.



Hình 5.1. Khái quát tiến trình phát triển lịch sử văn minh thế giới cổ – trung đại

.....

.....

.....

.....

.....

CÂU 4. Điền vào chỗ trống các nền văn minh tương ứng với các giai đoạn phát triển của lịch sử nhân loại. Văn minh Văn Lang – Âu Lạc, Chăm-pa, Phù Nam và văn minh Đại Việt của Việt Nam thuộc giai đoạn nào của lịch sử văn minh thế giới?

Cổ đại: văn minh hình thành các nền văn minh	Trung đại: văn minh, xác lập chế độ.....	Cận đại: văn minh 2 cuộc cách mạng công nghiệp thời	Hiện đại: văn minh 2 cuộc cách mạng công nghiệp thời
--	---	--	---

CÂU 5. Xác định các hình ảnh đã cho là biểu hiện của văn hoá hoặc văn minh và sắp xếp vào các ô phù hợp.

VĂN MINH	VĂN HOÁ
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....



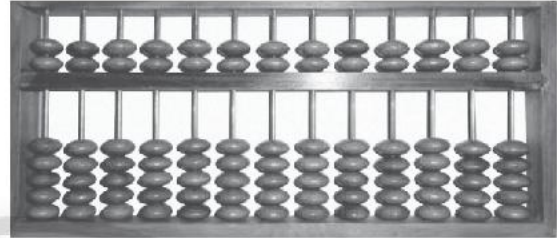
Hình 5.2. Hình vẽ trên vách hang động La-xcô (Laxco) (Pháp)



Hình 5.3. Lăng Ta-giơ Ma-han (Taj Mahal) (Ấn Độ)



Hình 5.4. Nàng La Giô-công-đơ (La Joconde)



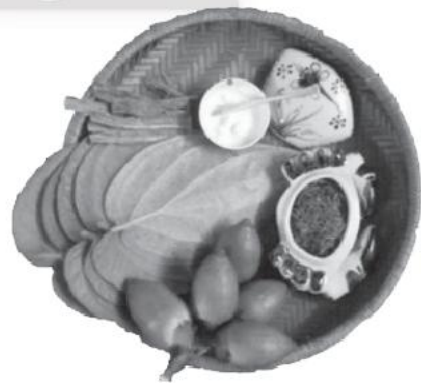
Hình 5.5. Bảng tính gẩy truyền thống



Hình 5.6. Chữ viết cổ Ai Cập



Hình 5.7. Trang sức của người Việt cổ (di vật văn hoá Hoà Bình)



Hình 5.8. Trầu cau

CÂU 6. Hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

1. Nền văn minh nào dưới đây ra đời sớm nhất trên thế giới?

- A. Trung Quốc. B. Ấn Độ. C. Ai Cập. D. Hy Lạp.

2. Văn hoá là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do loài người sáng tạo ra

- A. trong tiến trình lịch sử.
B. sau khi có chữ viết.
C. mang nét đặc trưng cho bản sắc riêng của một cộng đồng người.
D. trong giai đoạn phát triển cao của xã hội.

3. Văn minh là trạng thái tiến hoá, phát triển cao của nền văn hoá

- A. qua một quá trình lịch sử – văn hoá lâu dài.
B. trong suốt tiến trình phát triển của lịch sử.
C. khi bắt đầu hình thành xã hội loài người.
D. có bề dày lịch sử và mang tính dân tộc.

4. Khác với văn minh, văn hoá thường có

- A. bề dày lịch sử và mang tính dân tộc.
B. trình độ phát triển cao, mang tầm vóc quốc tế.
C. tính sáng tạo cao, thúc đẩy văn minh phát triển.
D. những giá trị sáng tạo ở trình độ cao nhất.

5. Khác với văn hoá, văn minh là những giá trị vật chất và tinh thần do loài người sáng tạo ra

- A. có bề dày lịch sử và mang tính dân tộc.
B. có trình độ phát triển cao, mang tầm vóc quốc tế.
C. cùng với sự xuất hiện của xã hội loài người.
D. đầu tiên trong lịch sử xã hội loài người.

6. Một trong những tiêu chí đánh dấu con người bước vào thời đại văn minh là khi có

- A. công cụ đá. B. công cụ đồng thau. C. tiếng nói. D. chữ viết.

7. Mối quan hệ giữa văn minh và văn hoá là

- A. văn hoá ra đời trước, phát triển đến trình độ nào đó thì văn minh ra đời. Văn minh ra đời sẽ thúc đẩy văn hoá phát triển.
- B. văn minh ra đời trước, phát triển đến trình độ nào đó thì văn hoá ra đời. Văn hoá ra đời sẽ thúc đẩy văn minh phát triển.
- C. đều là những giá trị vật chất do loài người sáng tạo ra trong lịch sử nhưng văn minh là toàn bộ những gì loài người sáng tạo ra từ khi xuất hiện đến nay.
- D. đều là những giá trị tinh thần do loài người sáng tạo ra trong lịch sử nhưng văn minh là toàn bộ những gì loài người sáng tạo ra từ khi xuất hiện đến nay.

8. Các nhà nghiên cứu dựa vào các tiêu chí nào để xác định một nền văn minh?

- A. Tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do loài người sáng tạo ra trong suốt tiến trình lịch sử, có tính dân tộc, thúc đẩy văn hoá phát triển.
- B. Tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do loài người sáng tạo ra trong suốt tiến trình lịch sử, có tính giai cấp, thúc đẩy văn hoá phát triển.
- C. Di sản tích lũy tri thức, tinh thần và vật chất do loài người sáng tạo ra trong giai đoạn phát triển cao, có tầm vóc quốc tế, thúc đẩy văn hoá phát triển.
- D. Toàn bộ những giá trị tinh thần và vật chất do loài người sáng tạo ra trong lịch sử, có tính dân tộc, mang bề dày lịch sử và có tầm vóc quốc tế.

9. Văn minh nhân loại trải qua tiến trình

- A. kim khí => nông nghiệp => công nghiệp => hậu công nghiệp.
- B. công nghiệp => hậu công nghiệp => nông nghiệp => kim khí.
- C. nông nghiệp => công nghiệp => hậu công nghiệp => kim khí.
- D. công nghiệp => nông nghiệp => kim khí => hậu công nghiệp.

a. Điều kiện tự nhiên tác động:

.....
.....
.....

b. Một số hoạt động kinh tế:

.....
.....
.....

c. Đặc trưng kinh tế cơ bản:

.....
.....
.....

CÂU 3. Quan sát Hình 6.3 trong SGK, xác định thành phần, vị trí các tầng lớp trong xã hội Ai Cập cổ đại. Tầng lớp nào là lực lượng sản xuất chính?

Giải thích.

– Tầng lớp thống trị:

– Tầng lớp bị trị:

– Lực lượng sản xuất chính:

.....
.....
.....
.....

CÂU 4. Em hãy nhận xét về cơ cấu nhà nước cổ đại ở Ai Cập. Ý nghĩa sự ra đời nhà nước ở Ai Cập.

– Nêu nhận xét :

.....
.....
.....

– Ý nghĩa sự ra đời nhà nước ở Ai Cập:

.....
.....
.....

CÂU 8. Em hãy giải ô chữ hàng ngang dựa theo những gợi ý dưới đây và tìm ô chữ chủ.

a. (9 chữ cái): Kì quan thế giới cổ đại duy nhất còn lại.

b. (6 chữ cái): Nhân vật huyền thoại ở Ai Cập mình người đầu sư tử.

c. (7 chữ cái): Tên loại cây được người Ai Cập sử dụng để chế tạo giấy viết.

d. (6 chữ cái): Tên vị thần sông Nin (Nile).

e. (9 chữ cái): Chữ viết cổ của người Ai Cập.

g. (5 chữ cái): Loại cây lương thực chính của Ai Cập.

h. (9 chữ cái): Nữ hoàng nổi tiếng của Ai Cập thời kì Hậu vương quốc.

i. (10 chữ cái): Ngành kinh tế chính của đa số các quốc gia cổ đại phương Đông.

Ô chữ chủ (8 chữ cái): “Dòng sông của sự sống”, gắn liền với những giá trị văn minh Ai Cập là.....

CÂU 9. Hoàn thành bảng thống kê theo từng lĩnh vực những thành tựu văn minh Ai Cập cổ đại vẫn còn giá trị đến hiện nay.

0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
a														
b														
c														
d														
e														
g														
h														
i														

	Thành tựu tiêu biểu	Lĩnh vực ứng dụng	Giá trị ở thời hiện đại
Chữ viết và văn học
Tín ngưỡng, tôn giáo
Khoa học tự nhiên, kĩ thuật
Kiến trúc và điêu khắc

CÂU 10. Hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

1. Nhà nước cổ đại ra đời sớm nhất ở phương Đông là

- A. Ba Tư. B. Ai Cập. C. Ấn Độ. D. Trung Quốc.

2. Cư dân Ai Cập sống tập trung ở đồng bằng ven sông lớn vì ở đây có

- A. lãnh thổ rộng lớn, đất đai mềm xốp, dễ canh tác.
B. khí hậu ẩm áp, giao thông thuận tiện để buôn bán.
C. địa hình bằng phẳng, đất đai màu mỡ, dễ canh tác.
D. khí hậu ẩm nóng, không có lũ lụt, thiên tai, hạn hán.

3. Điều kiện tự nhiên ở Ai Cập thích hợp nhất cho việc phát triển ngành kinh tế chủ yếu nào dưới đây?

- A. Thương nghiệp. B. Thủ công nghiệp. C. Nông nghiệp. D. Đánh bắt cá.

4. Mục đích chính để cư dân Ai Cập cổ đại liên kết thành liên minh công xã là

- A. làm công tác thủy lợi. B. chống ngoại xâm.
C. phát triển thủ công nghiệp. D. phát triển thương nghiệp.

5. Vì sao nhà nước Ai Cập cổ đại ra đời sớm?

- A. Điều kiện tự nhiên thuận lợi, sản xuất phát triển.
B. Cư dân sống tập trung trên đồng bằng ven biển.
C. Cư dân sống phân tán, cần phải liên kết với nhau để sản xuất.
D. Điều kiện tự nhiên không thuận lợi cần phải liên kết với nhau.

6. Các tầng lớp xã hội chính của xã hội Ai Cập cổ đại gồm:

- A. vua, quan lại, nông dân lính canh.
B. quý tộc, nông dân công xã, nô lệ.
C. vua, nông dân tự canh, nô lệ.
D. quý tộc, binh dân, nô lệ.

7. Tầng lớp nào dưới đây là lực lượng lao động chính của xã hội Ai Cập cổ đại?

- A. Quý tộc. B. Nông dân công xã. C. Nô lệ. D. Nông nô.

8. Tính chất của nhà nước Ai Cập cổ đại là nhà nước

- A. chuyên chế tập quyền. B. chuyên chế tản quyền.
C. chiếm hữu nô lệ. D. dân chủ cổ đại.

9. Đứng đầu nhà nước Ai Cập cổ đại là ai?

- A. Quý tộc. B. Pha-ra-ông (Pharaoh).
C. Chấp chính quan. D. Tù trưởng.

10. Nhà nước Ai Cập cổ đại được hình thành trên cơ sở nào dưới đây?

- A. Thị tộc. B. Bộ lạc. C. Công xã nguyên thủy. D. Liên minh công xã.

11. Vì sao Lịch pháp và Thiên văn học ở Ai Cập cổ đại ra đời sớm?

- A. Do nhu cầu sản xuất nông nghiệp. B. Thúc đẩy sản xuất thương nghiệp.
C. Tiến hành nghi thức tôn giáo. D. Cúng tế các vị thần linh.

12. Chữ viết Ai Cập cổ đại ra đời do nhu cầu

- A. quản lí hành chính. B. ghi chép và lưu trữ tri thức.
C. trao đổi buôn bán. D. đo đạc, phân chia ruộng đất.

13. Việc ra đời chữ viết có ý nghĩa gì?

- A. Phát minh lớn, biểu hiện đầu tiên và cơ bản của văn minh nhân loại.
B. Phát triển kinh tế, biểu hiện đầu tiên cơ bản của văn minh trí tuệ.
C. Ghi chép lại những kinh nghiệm của con người về đời sống.
D. Ghi chép lại hiểu biết của con người về tự nhiên và xã hội.

14. Người Ai Cập viết chữ trên nguyên liệu gì?

- A. Lụa. B. Thê tre, trúc.
C. Đất sét. D. Giấy pa-pi-rút (papyrus).

15. Vì sao những tri thức toán học ra đời sớm ở Ai Cập cổ đại?

- A. Do nhu cầu chia ruộng đất, ghi chép nợ và tri thức khoa học.
B. Do nhu cầu tính toán trong xây dựng, phân chia ruộng đất.
C. Do nhu cầu tính toán nợ và thu thuế của giai cấp thống trị.
D. Do nhu cầu sản xuất nông nghiệp và phát triển thương nghiệp.

16. Việc xây dựng thư viện A-lếch-xan-đri-a (Alexandria) ở Ai Cập thời cổ đại cho thấy người Ai Cập cổ

- A. rất chuộng nghệ thuật. B. thích chơi sách.
C. rất trân trọng và giữ gìn tri thức. D. rất muốn làm những điều khác lạ.

CÂU 1. Điều kiện địa hình và khí hậu tác động như thế nào đến sự hình thành và phát triển của nền văn minh Trung Hoa?

– Phía tây:.....

.....

– Phía đông:.....

.....

– Tác động tích cực:.....

.....

– Khó khăn:.....

.....

CÂU 2. Chọn các từ hoặc cụm từ dưới đây, điền vào chỗ trống (.....) cho phù hợp để cho biết vì sao ở Trung Quốc, chế độ quân chủ chuyên chế tập quyền sớm hình thành.

“bê đũa từng chiếc” thống nhất trị thủy, chống ngoại xâm

Tần (221 – 206 TCN), Hạ, Thương, Chu giai cấp mới

chính quyền chuyên chế Minh (1368 – 1644)

Từ 2 000 năm TCN, các triều đại đã xây dựng những nhà nước cổ đại đầu tiên. Đến thế kỉ III TCN còn lại 7 nước. Do sự phát triển của sản xuất, xã hội Trung Quốc phân hoá sâu sắc, các xuất hiện. Để tập hợp sức mạnh và mở rộng lãnh thổ, cộng đồng cư dân Trung Quốc sớm có tính thống nhất cao, xây dựng bộ máy.....

Giữa thế kỉ III TCN, Tần Thủy Hoàng khôn khéo dùng chiến lược....., đánh bại 6 nước,.....Trung Quốc.

Thiết chế nhà nước phong kiến quân chủ hình thành ở thời
phát triển qua các triều đại và hoàn chỉnh dưới thời.....

**CÂU 3. Biểu hiện nào chứng tỏ chế độ phong kiến xác lập dưới thời Tần?
Nêu những hiểu biết của em về nhân vật lịch sử đã thống nhất Trung Quốc
và xác lập chế độ phong kiến.**

Biểu hiện:

- Giai cấp mới hình thành:.....
- Hình thức bóc lột:.....
- Quan hệ giữa địa chủ và nông dân lĩnh canh:.....

Nhân vật lịch sử đã thống nhất Trung Quốc và xác lập chế độ phong kiến:

**CÂU 4. Kể tên những phát minh kĩ thuật của người Trung Quốc thời cổ –
trung đại. Những phát minh nào có ảnh hưởng lớn đến các cuộc phát kiến
địa lí ở châu Âu? Phát minh nào có ý nghĩa quan trọng đến giáo dục và phát
triển tri thức? Giải thích.**

- Những phát minh kĩ thuật:.....

- Những phát minh ảnh hưởng đến các cuộc phát kiến địa lí:.....

Giải thích:.....

- Phát minh có ý nghĩa quan trọng đến giáo dục và phát triển tri thức:.....

Giải thích:.....

CÂU 5. Hoàn thành bảng thống kê về một thành tựu của văn minh Trung Hoa còn ý nghĩa giá trị đến ngày nay mà em thích nhất. Giải thích vì sao.

Thành tựu	Nguyên nhân ra đời	Ý nghĩa	Giá trị ở thời hiện đại
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

.....

.....

.....

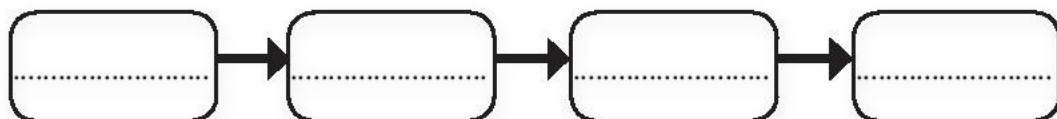
.....

.....

.....

CÂU 6. Hãy sắp xếp theo thứ tự các ý sau để trình bày sự hình thành của xã hội phong kiến ở Trung Quốc.

- A. Xã hội thay đổi sâu sắc: giai cấp địa chủ xuất hiện, nông dân công xã bị phân hoá.
- B. Việc sử dụng phổ biến công cụ bằng sắt làm năng suất lao động và sản lượng tăng.
- C. Quan hệ sản xuất phong kiến hình thành.
- D. Địa chủ giao đất cho nông dân lĩnh canh, thu tô thuế (phát canh thu tô).



CÂU 7. Nối tác giả (cột A) với tác phẩm tiêu biểu (cột B) và thông tin phù hợp ở cột C.

A. Tác giả



A1. Tô Xung Chi



A2. Trương Hành



A3. Tư Mã Thiên

B. Tác phẩm



B1. Sử ký



B2. Xe chi Nam



B3. Cách làm giấy

C. Thông tin

C1. Ông là nhà khoa học nổi tiếng thời Nam Bắc triều trong lịch sử Trung Quốc; người đầu tiên tính được số pi (π) chính xác đến 7 chữ số thập phân. Ông còn tìm ra công thức tính thể tích khối cầu; phục chế xe chỉ nam,...

Ông chú giải quyển sách cổ “Cửu chương toán thuật”, cuốn “Trùng Sai” của Lưu Vi; viết cuốn “Xuyết thuật” được triều nhà Đường đưa vào “Toán kinh thập thư”, trở thành sách toán học của Trường Quốc Tử Giám thời nhà Đường.

C2. Năm 105, dưới triều Hán Hoà Đế, ông phát minh ra cách làm giấy. Giấy được chế tạo bằng cách lấy bện trong vỏ thân cây dâu tằm và xơ cây tre, đem trộn với nước rồi giã nát với dụng cụ bằng gỗ, sau đó ông đổ hỗn hợp lên tấm vải căng phẳng và trải mỏng rồi để ráo nước. Khi giấy khô, có thể viết lên dễ dàng mà lại nhẹ nhàng. Đây là một trong những phát minh quan trọng nhất trong lịch sử loài người, giúp văn minh Trung Hoa phát triển nhanh hơn và kích thích sự phát triển của châu Âu khi kĩ thuật giấy đến đây. Ông được xếp hạng 7/100 người quan trọng nhất lịch sử.

C3. Ông là nhà bác học Trung Quốc thời Đông Hán, ham thích nghiên cứu Toán học và Thiên văn học. Thế kỉ II, ông đã chế ra máy dư báo động đất (Địa động nghi). Địa động nghi được chế bằng đồng đen, hình dáng giống như một vỏ rựu, xung quanh có tám con rồng, đầu rồng hướng ra tám phương. Trong miệng mỗi con ngậm một quả cầu bằng đồng. Dưới đầu mỗi con rồng, có một con cóc há miệng chờ sẵn. Khi động đất xảy ra ở phương nào thì con rồng quay đầu về phương bị chấn động đó, há miệng ra nhả quả cầu đồng rơi vào miệng con cóc phía dưới, phát ra tiếng kêu vang, báo cho người ta biết nơi phát sinh động đất.

A. Tác giả

A4. Thái Luân

B. Tác phẩmB4.
Địa động nghi**C. Thông tin**

C4. Ông (145 TCN – 86 TCN) là người đặt nền móng cho sử học Trung Quốc. Ông nổi tiếng thông minh, học rộng, đặc biệt là viết đúng sự thật. Ông có tài liệt kê tính cách điển hình của những nhân vật lịch sử, khắc hoạ rất thành công các nhân vật lịch sử như Khổng Tử, Tần Thủy Hoàng, Lưu Bang, Hạng Vũ,... Ông đã dành phần lớn cuộc đời để biên soạn bộ Sử ký (thế kỉ II TCN), ghi chép lịch sử gần 3 000 năm của Trung Quốc từ thời Hoàng Đế đến thời Hán Vũ Đế, có giá trị cao về mặt tư liệu, tư tưởng.

Trả lời:

A1 + +

A2 + +

A3 + +

A4 + +

CÂU 8. Hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.**1. Chế độ phong kiến Trung Quốc được xác lập dưới triều đại nhà**

- A. Tần. B. Hán. C. Đường. D. Tống.

2. Các giai cấp, tầng lớp nào hình thành trong xã hội phong kiến Trung Quốc?

- A. Địa chủ, nông dân tự canh, nông nô.
 B. Quan lại, nông dân, nông dân lĩnh canh.
 C. Địa chủ, nông dân lĩnh canh, nông dân tự canh.
 D. Địa chủ phong kiến, nông dân lĩnh canh, nô lệ.

3. Những người nông dân Trung Quốc thời phong kiến có sở hữu ruộng đất để cày cấy gọi là

- A. nông dân tự canh. B. nông dân lĩnh canh. C. nông nô. D. địa chủ.

4. Những người nông dân Trung Quốc thời phong kiến không có ruộng đất phải nhận ruộng đất của địa chủ để cày cấy gọi là

- A. nông dân tự canh. B. nông dân lĩnh canh. C. nông nô. D. nô lệ.

5. Quan hệ sản xuất phong kiến là quan hệ địa chủ giao ruộng đất cho

- A. nông dân tự canh để thu tô thuế. B. nông dân công xã để thu tô thuế.
 C. nông dân lĩnh canh để thu tô thuế. D. nông nô lĩnh canh để thu tô thuế.

6. Tầng lớp nào dưới đây là lực lượng lao động chính của xã hội Trung Quốc cổ – trung đại?

- A. Quý tộc. B. Nông dân công xã. C. nô lệ. D. Nông nô.

7. Tính chất của nhà nước Trung Quốc cổ – trung đại là

- A. nhà nước chuyên chế tập quyền. B. nhà nước chuyên chế tản quyền.
C. nhà nước chiếm hữu nô lệ. D. nhà nước dân chủ cổ đại.

8. Đứng đầu nhà nước Trung Quốc cổ – trung đại là

- A. Thiên tử. B. Pha-ra-ông. C. Chấp chính quan. D. Tù trưởng.

9. Người Trung Quốc cổ đại viết chữ trên nguyên liệu gì?

- A. Giấy, lụa. B. Thê tre, trúc. C. Đất sét. D. Giấy pa-py-rút.

10. Chữ tượng hình của người Trung Quốc ra đời trong khoảng thế kỉ XVI – XII TCN, khắc trên mai rùa, xương thú gọi là

- A. chữ Tiểu triện. B. chữ Đại triện. C. chữ Giáp cốt. D. Kim văn.

11. “Con đường tơ lụa” là con đường trao đổi buôn bán từ Trung Quốc sang

- A. Ấn Độ. B. Ai Cập.
C. Trung Đông. D. châu Âu.

12. Tư tưởng, tôn giáo nào trở thành hệ tư tưởng phục vụ cho chế độ phong kiến Trung Quốc?

- A. Nho giáo. B. Phật giáo. C. Đạo giáo. D. Lão giáo.

13. Tư tưởng Nho giáo dưới thời nhà Hán đã trở thành cơ sở

- A. lí luận và đạo đức của chế độ phong kiến.
B. đạo đức và tư tưởng của chế độ phong kiến.
C. lí luận và tư tưởng của chế độ phong kiến.
D. văn hoá và đạo đức của chế độ phong kiến.

14. Tứ đại danh tác của nền văn học Trung Quốc thời Minh, Thanh là

- A. Tây du ký, Thủy hử, Hồng lâu mộng, Liêu trai chí dị.
B. Tây du ký, Thủy hử, Đông Chu liệt quốc, Tam quốc diễn nghĩa.
C. Tây du ký, Kim Vân Kiều, Hồng lâu mộng, Tam quốc diễn nghĩa.
D. Tây du ký, Thủy hử, Hồng lâu mộng, Tam quốc diễn nghĩa.

15. Bốn phát minh kĩ thuật quan trọng nào dưới đây của Trung Quốc thời phong kiến có đóng góp to lớn cho nền văn minh nhân loại?

- A. La bàn, kĩ thuật in, thuốc súng, thuyền buồm.
- B. La bàn, kĩ thuật in, súng thần công, giấy.
- C. La bàn, kĩ thuật in, thuốc súng, làm giấy.
- D. La bàn, địa động nghi, thuốc súng, giấy.

16. Nhận định nào dưới đây không đúng về giá trị của Nho giáo ở Trung Quốc?

- A. Hệ tư tưởng của giai cấp thống trị thời phong kiến.
- B. Góp phần đào tạo nhân tài phục vụ cho đất nước.
- C. Giáo dục nhân cách, đạo đức cho con người.
- D. Thúc đẩy sự phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa.

17. Chế độ quân điền ở Trung Quốc thời Đường là

- A. lấy ruộng đất của địa chủ, quan lại chia cho nông dân.
- B. lấy ruộng của nông dân giàu chia cho nông dân nghèo.
- C. lấy ruộng tịch điền của nhà nước chia cho nông dân.
- D. lấy ruộng công và ruộng bỏ hoang chia cho nông dân.

18. Tác giả và tác phẩm đặt nền móng cho sử học Trung Quốc là

- A. Tư Mã Thiên và *Sử ký*.
- B. Tư Mã Thiên và *Hồi kí*.
- C. Lưu Tri Cơ và *Sử thông*.
- D. Tư Mã Quang và *Tư trị thông giám*.

19. Quan hệ sản xuất trong xã hội phong kiến Trung Quốc là quan hệ giữa hai giai cấp nào?

- A. Quý tộc với nông dân công xã.
- B. Quý tộc với nông nô.
- C. Địa chủ với nông dân lĩnh canh.
- D. Địa chủ với nông dân tự canh.

20. Chính sách quân điền thời nhà Đường đã có tác dụng quan trọng nào?

- A. Nông dân được chia đất để canh tác.
- B. Nông dân hăng hái tăng gia sản xuất.
- C. Nông dân sẵn sàng ủng hộ triều đình.
- D. Hạn chế phong trào đấu tranh của nông dân.

Bài 8

VĂN MINH ẤN ĐỘ CỔ — TRUNG ĐẠI

CÂU 1. Chọn các từ hoặc cụm từ dưới đây, điền vào chỗ trống (.....) cho phù hợp để làm rõ tác động của điều kiện tự nhiên đến sự phát triển văn minh Ấn Độ.

<i>châu Á</i>	<i>phương Tây</i>	<i>nông sản</i>
<i>hương liệu, nông sản, sản phẩm thủ công</i>		<i>giáp biển</i>
<i>dãy Hi-ma-lay-a (Himalaya)</i>	<i>Bắc Ấn</i>	<i>sông Ấn và sông Hằng</i>
<i>dãy Vin-đi-a (Vindhya)</i>		<i>cao nguyên Đê-can (Deccan)</i>
<i>nông nghiệp và chăn nuôi gia súc, gia cầm</i>		<i>nhật đới, gió mùa</i>

Ấn Độ là một bán đảo rộng lớn ở Nam Á, ba mặt
Khí hậu.....vừa thuận hoà, vừa khắc nghiệt.

Phía bắc có....., nơi khởi nguồn của.....
.....Hàng năm, cứ đến mùa tuyết tan, nước từ
theo hai con sông đem phù sa màu mỡ bồi đắp cho những cánh đồng ở
..... Phía nam ngăn cách với phía bắc bởi
gọi là – được xem là vùng đất cổ xưa nhất, tạo dựng nên
những giá trị văn minh riêng biệt của các dân tộc Đra-vi-đa (Dravida).

Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho sự phát triển của sản xuất

Bên cạnh đó, Ấn Độ còn phát triển thủ công nghiệp (luyện kim, gốm, dệt, chế biến hương liệu,...). Giao thương trong và ngoài nước phát triển, buôn bán ở các thị trường và cả với..... Các mặt hàng nổi tiếng là

CÂU 2. Tình hình chính trị – xã hội đã ảnh hưởng như thế nào tới tiến trình phát triển văn minh Ấn Độ cổ – trung đại?

Thế kỉ III TCN, A-sô-ca (Ashoka) thống nhất Ấn Độ,

Từ thế kỉ VI TCN đến thế kỉ IV,.....

.....

.....

Thế kỉ IV, dưới thời vương triều Hồi giáo Mô-gôn (Mogul),.....

.....

.....

Thời kì trung đại Ấn Độ,.....

.....

.....

CÂU 3. Nêu tên các di sản văn hoá, lịch sử ở Ấn Độ được UNESCO ghi danh là di sản văn hoá thế giới. Xác định loại hình kiến trúc gắn với tôn giáo nào và đặc điểm nổi bật. Hoàn thành nội dung trả lời vào bảng dưới đây.

Di sản văn hoá	Loại hình kiến trúc	Đặc điểm





.....

.....

.....

.....



.....

.....

.....

.....

CÂU 4. Em hãy giải ô chữ hàng ngang dựa theo những gợi ý dưới đây và tìm ô chữ chủ.

– Câu 1 (có 5 chữ cái): Đất nước được xem là “tặng phẩm của sông Nin”.

– Câu 2 (có 8 chữ cái): Con sông linh thiêng của người Ấn Độ.

– Câu 3 (có 7 chữ cái): Dãy núi chia đôi Ấn Độ thành hai miền Nam – Bắc.

– Câu 4 (có 9 chữ cái): Di sản văn hoá thế giới cổ đại duy nhất còn nguyên vẹn đến ngày nay.

– Câu 5 (có 7 chữ cái): Chế độ xã hội cổ truyền khắc nghiệt của Ấn Độ gắn với Bà La Môn giáo.

– Câu 6 (có 4 chữ cái): Dòng sông là trái tim của Ai Cập.

– Câu 7 (có 7 chữ cái): Tôn giáo cổ xưa nhất của Ấn Độ, ra đời từ thiên niên kỉ I TCN.

– Câu 8 (có 7 chữ cái): Chữ số đặc biệt nhất trong dãy số tự nhiên của Ấn Độ.

Ô CHỮ CHỦ: Tôn giáo của Ấn Độ, có ảnh hưởng sâu sắc đến khu vực Đông Á là.....

0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1										
2										
3										
4										
5										
6										
7										
8										

CÂU 5. Phân tích mối quan hệ giữa tôn giáo với các thành tựu văn minh trong lịch sử Ấn Độ cổ – trung đại.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CÂU 6. Văn minh Ấn Độ đã ảnh hưởng tới các quốc gia Đông Nam Á ở những lĩnh vực nào? Nêu một vài ví dụ.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CÂU 7. Hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

1. Nền văn minh Ấn Độ cổ đại khởi nguồn trên lưu vực

- A.** sông Ấn. **B.** sông Hằng.
C. sông Ma-hi (Mahi). **D.** sông Gom-ty (Gomti).

2. Dòng sông “Mẹ” linh thiêng trong tâm thức người Ấn, nơi văn minh Ấn Độ phát triển là

- A.** sông Ấn. **B.** sông Hằng.
C. sông Ya-mu-na (Yamuna). **D.** sông Ba-gma-ty (Bagmati).

3. Khoảng thế kỉ VI TCN, tôn giáo nào ra đời ở Ấn Độ có ảnh hưởng đến Đông Nam Á?

- A.** Phật giáo. **B.** Ấn Độ giáo.
C. Đạo Hồi. **D.** Bà La Môn giáo.

4. Phật giáo phát triển rực rỡ và trở thành quốc giáo ở Ấn Độ dưới triều vua

- A. A-sô-ca. B. A-cơ-ba (Akabar).
C. Sha Gia-han (Shah Jahan). D. Ba-bơ (Babur).

5. Loại hình kiến trúc tiêu biểu cho kiến trúc Hin-đô (Hindu) giáo ở Ấn Độ là

- A. chùa hang. B. stu-pa (stupa).
C. đền kiểu tháp núi. D. mái vòm, chóp nhọn.

6. Ấn Độ là cái nôi của những tôn giáo lớn nào dưới đây?

- A. Phật giáo, Đạo giáo. B. Phật giáo, Hin-đô giáo.
C. Thiên Chúa giáo, Hồi giáo. D. Phật giáo, Hồi giáo.

7. Tư tưởng tôn giáo nào là cơ sở cho sự phân biệt đẳng cấp trong xã hội Ấn Độ cổ đại?

- A. Phật giáo. B. Bà La Môn giáo.
C. Thiên Chúa giáo. D. Ấn Độ giáo.

8. Chữ viết ngày nay của Ấn Độ có nguồn gốc từ chữ viết nào?

- A. Bra-mi (Brami). B. Xan-xcrit (Sanskrit).
C. Pa-li (Pali). D. Hin-đi (Hindi).

9. Văn hoá truyền thống Ấn Độ ảnh hưởng rõ nét nhất ở khu vực nào?

- A. Đông Bắc Á. B. Trung Đông.
C. Đông Nam Á. D. Tây Á.

10. Những lĩnh vực nào dưới đây của văn hoá truyền thống Ấn Độ được truyền bá ra bên ngoài?

- A. Tôn giáo, văn học, kiến trúc, nghệ thuật, chữ viết.
B. Phật giáo, văn học, kiến trúc, điêu khắc, chữ viết.
C. Hồi giáo, văn học, kiến trúc, ca múa, chữ viết.
D. Hin-đô giáo, văn học, kiến trúc, nghệ thuật, chữ viết.

11. Đặc điểm nổi bật của văn hoá Ấn Độ cổ – trung đại là có tính

- A. hiện thực, uyển chuyển, sinh động.
- B. hiện thực, mang đậm màu sắc tôn giáo.
- C. dân tộc, thể hiện rõ quan điểm sống.
- D. quốc tế, phong cách nghệ thuật độc đáo.

12. Công trình nào dưới đây tiêu biểu cho kiến trúc Phật giáo của Ấn Độ?

- A. Stupa San-chi (Sanchi).
- B. Đền Kha-giu-ra-hô (Khajuraho).
- C. Lăng Ta-giơ Ma-han.
- D. Tháp Ku-túp Mi-na (Qutb Minar).

13. Phát minh chữ số tự nhiên và số 0 là thành tựu của quốc gia nào sau đây?

- A. Ai Cập.
- B. Ấn Độ.
- C. Trung Quốc.
- D. Lương Hà.

14. Cái gì không có ở..... thì không thể có ở Ấn Độ.

- A. Ra-ma-y-a-na (Ramayana).
- B. Ma-ha-ba-hra-ta (Mahabahrata).
- C. Raam-cha-rit-maa-nas (Raamcharitmaanas).
- D. Sha-kun-ta-la (Shakuntala).

15. Giá trị ưu việt và tính nhân văn của văn minh Ấn Độ thể hiện qua việc lan toả giá trị văn minh bằng con đường

- A. chính trị.
- B. quân sự.
- C. chiến tranh.
- D. hoà bình.

16. Đạo Hin-đu – một tôn giáo lớn ở Ấn Độ được hình thành trên cơ sở

- A. giáo lí của đạo Phật.
- B. tín ngưỡng cổ xưa của người Ấn.
- C. giáo lí của đạo Hồi.
- D. giáo lí của Thiên Chúa giáo.

17. Chữ Phạn được hoàn thiện và phổ biến dưới thời Gúp-ta (Gupta) đã ảnh hưởng sâu sắc thế nào đối với sự lan toả của nền văn minh Ấn Độ?

- A. Tạo điều kiện truyền bá các tôn giáo của Ấn Độ.
- B. Tạo điều kiện chuyển tải văn hoá trong nhân dân.
- C. Tạo điều kiện truyền bá văn học, văn hoá Ấn Độ.
- D. Thúc đẩy văn hoá Ấn Độ phát triển mạnh mẽ.

CÂU 1. Hãy nối các tác giả ở cột A với những tác phẩm, thành tựu tiêu biểu ở cột B cho phù hợp. Điểm chung của các tác giả này là gì?

Tác giả (A)	Tác phẩm, thành tựu (B)	Điểm chung của các tác giả
1. Hô-mơ (Homer)	A. Tiên đề về hai đường thẳng song song.
2. Hê-rô-đốt	B. Định luật về các cạnh của tam giác vuông.
3. Ác-si-mét (Archimedes)	C. Định lí về các cạnh của tam giác.
4. Pi-ta-go (Pythagoras)	D. Truyện ngụ ngôn Thỏ và Rùa.
5. Ê-dốp (Aesop)	E. Hai bộ sử thi I-li-át (Iliad) và Ô-di-xê (Odyssey).
6. Ta-lét (Thales)	G. Nguyên lí về lực đẩy và đòn bẩy.
7. Ô-cơ-lít (Euclid)	H. Lịch sử của chiến tranh Hy Lạp – Ba Tư.

CÂU 2. Hãy phân loại các thành tựu thuộc văn minh Hy Lạp hay La Mã. Từ đó, hãy nhận định thế mạnh của từng nền văn minh và lí giải vì sao. Hoàn thành nội dung trả lời vào bảng dưới đây.

<p>Thành tựu</p>	<p>a. Đền Pác-tê-nông (Parthenon) c. Cô-li-dê (Colosseum) e. Bê tông h. Tượng thần Vệ nữ Mi-lo (Milo)</p>	<p>b. Đền Pan-tê-ông (Pantheon) d. Lịch Gờ-re-gô-ri (Geogre) g. Trường ca I-li-át i. Cầu Pont du Gard</p>
	<p style="text-align: center;">Hy Lạp</p> <p>Gồm các thành tựu.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p style="text-align: center;">La Mã</p> <p>Gồm các thành tựu.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
<p>Thế mạnh</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
<p>Nguyên nhân</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

CÂU 3. Hãy so sánh để tìm ra điểm khác nhau trong phong cách kiến trúc của 2 công trình cổ đại: Đền Pác-tê-nông (Hy Lạp) và Đền Pan-tê-ông (La Mã). Hãy kể một số công trình nổi bật hiện nay có điểm giống nhau tương tự.



Hình 9.1. Đền Pác-tê-nông (Hy Lạp)



Hình 9.2. Đền Pan-tê-ông (La Mã)

.....

.....

.....

.....

.....

CÂU 4. Hoàn thành bảng thống kê dưới đây về những thành tựu tiêu biểu của khoa học Hy Lạp và La Mã cổ đại. Tại sao các hiểu biết khoa học đến thời kì này mới trở thành khoa học?

Lĩnh vực	Thành tựu tiêu biểu (tác giả, tác phẩm,...)	Ý nghĩa, giá trị nổi bật
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Tại sao các hiểu biết khoa học đến thời kì này mới trở thành khoa học?

.....

.....

.....

CÂU 5. Điều kiện tự nhiên tác động như thế nào đến sự phát triển kinh tế và chế độ chính trị của Hy Lạp và La Mã cổ đại?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CÂU 6. Kho tàng thần thoại của Hy Lạp có giá trị như thế nào khi tìm hiểu văn minh Hy Lạp?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CÂU 7. Hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

1. Phần lớn lãnh thổ của nền văn minh Hy Lạp – La Mã cổ đại có địa hình

- A. đồng bằng. B. cao nguyên.
C. núi và cao nguyên. D. núi và đồng bằng.

2. Kim loại nào đã thúc đẩy sự phát triển kinh tế của cư dân Địa Trung Hải thời cổ đại?

- A. Sắt. B. Đồng. C. Thiếc. D. Đồng đỏ.

3. Kinh tế chủ đạo của các quốc gia cổ đại Hy Lạp – La Mã là gì?

- A. Nông nghiệp và thủ công nghiệp.
B. Thủ công nghiệp và thương nghiệp.
C. Thương nghiệp và nông nghiệp.
D. Trồng trọt và chăn nuôi.

4. Lực lượng lao động chính ở các quốc gia cổ đại Hy Lạp – La Mã là

- A. chủ nô. B. nô lệ. C. nông dân. D. quý tộc.

5. Xã hội Hy Lạp – La Mã cổ đại có hai giai cấp cơ bản là

- A. địa chủ và nông dân. B. quý tộc và nông dân.
C. chủ nô và nô lệ. D. chủ nô và nông dân công xã.

6. Địa bàn sinh sống của cư dân ở Địa Trung Hải là

- A. nông thôn. B. miền núi. C. thành thị. D. trung du.

7. Mô hình của một thị quốc Hy Lạp cổ đại

- A. gồm một pháo đài và xung quanh là dân cư sinh sống.
B. gồm một thành thị với vùng đất đai trồng trọt xung quanh.
C. gồm nhiều thành thị liên kết thành một thành bang.
D. lấy một dân tộc đông nhất và hùng mạnh nhất làm nòng cốt.

8. Người Hy Lạp – La Mã cổ đại thường mua lúa mì, súc vật, lông thú từ khu vực nào?

- A. Châu Phi. B. Hắc Hải, Ai Cập. C. Ấn Độ, Trung Quốc. D. Bắc Phi.

9. Mâu thuẫn cơ bản của xã hội cổ đại Hy Lạp – La Mã là mâu thuẫn giữa

- A. nông dân với địa chủ. B. nông nô với lãnh chúa.
C. nô lệ với chủ nô. D. nông dân với quý tộc.

10. Một trong những cống hiến lớn có giá trị đến nay của cư dân La Mã là

- A. bảng chữ cái gồm 26 chữ. B. Đèn Pác-tê-nông.
C. giấy, thuốc súng, la bàn. D. Đấu trường La Mã.

11. Vì sao thương nghiệp hàng hải phát triển mạnh ở Hy Lạp và La Mã cổ đại?

- A. Nông nghiệp kém phát triển. B. Quốc gia chủ yếu là thành thị.
C. Đồng bằng nhỏ hẹp, bị chia cắt. D. Giao thông đường biển thuận lợi.

12. Vì sao nói chữ viết là cống hiến lớn lao của La Mã cổ đại?

- A. Kí hiệu ít, đơn giản, dễ biểu đạt ý nghĩa sự vật, hiện tượng.
- B. Được tất cả các nước trên thế giới sử dụng đến ngày nay.
- C. Có hệ thống chữ cái hoàn chỉnh, cùng với hệ chữ số La Mã.
- D. Đơn giản, khoa học, khả năng ghép chữ linh hoạt, dễ phổ biến.

13. Những tiến bộ trong cách tính lịch của người phương Tây so với phương Đông xuất phát từ

- A. cách tính lịch dựa theo sự chuyển động của Mặt Trăng.
- B. việc đúc rút kinh nghiệm từ thực tiễn sản xuất.
- C. sự hiểu biết chính xác về Trái Đất và hệ Mặt Trời.
- D. việc tính lịch dựa theo sự chuyển động của Mặt Trời.

14. Người La Mã sớm có hiểu biết chính xác về Trái Đất và hệ Mặt Trời là nhờ

- A. vào việc canh tác nông nghiệp.
- B. họ thường giao thương bằng đường biển.
- C. vào việc buôn bán giữa các thị quốc.
- D. sự phát triển của khoa học – kĩ thuật.

15. Điểm giống nhau giữa tầng lớp nông dân công xã ở phương Đông cổ đại với tầng lớp nô lệ ở xã hội phương Tây cổ đại là gì?

- A. Lực lượng đông đảo nhất và là lực lượng sản xuất chính của xã hội.
- B. Lực lượng đông đảo nhất và không có vai trò quan trọng trong xã hội.
- C. Lực lượng thiểu số và không có vai trò quan trọng trong xã hội.
- D. Lực lượng đông đảo nhất và phải đóng thuế cho nhà nước.

16. Việc tìm thấy những đồng tiền cổ nhất thế giới của người Hy Lạp và La Mã cổ đại ở châu Á và châu Phi đã thể hiện ý nghĩa nào dưới đây?

- A. Hoạt động thương mại và lưu thông tiền tệ phát triển.
- B. Nghề đúc tiền phát triển mạnh ở châu Á và châu Phi.
- C. Thị quốc hình thành và mở rộng lãnh thổ.
- D. Thủ công nghiệp ở các thị quốc phát triển mạnh.

17. Chữ Quốc ngữ của Việt Nam hiện nay có nguồn gốc từ

- A. chữ tượng hình Trung Hoa.
- B. chữ Phạn của Ấn Độ.
- C. hệ chữ cái La Mã.
- D. hệ chữ cái Hy Lạp.

18. Vì sao hiện nay nhân loại tiếp tục duy trì Đại hội thể thao Ô-lim-píc (Olympic)?

- A. Để cao tinh thần hoà bình, đoàn kết các dân tộc.
- B. Để phát triển các môn thể thao điền kinh cơ bản.
- C. Để cao giá trị văn hoá và tinh thần của Hy Lạp.
- D. Phát huy nguyên tắc bình đẳng của các dân tộc.

19. Hàng hoá trao đổi, mua bán quan trọng nhất ở Địa Trung Hải cổ đại là gì?

- A. Rượu nho.
- B. Dầu ô liu.
- C. Đồ mỹ nghệ.
- D. Nô lệ.

20. Điểm tiến bộ của thể chế dân chủ ở Hy Lạp cổ đại so với chế độ chuyên chế trung ương tập quyền ở phương Đông cổ đại là gì?

- A. Công dân A-ten (Athens) được quyền lựa chọn người quản lí nhà nước.
- B. Tất cả công dân của A-ten có quyền bầu chọn người quản lí nhà nước.
- C. Công dân của thành thị có quyền bầu ra người quản lí nhà nước.
- D. Công dân nam từ 18 tuổi được quyền bầu chọn người quản lí nhà nước.

VĂN MINH TÂY ÂU THỜI PHỤC HƯNG

CÂU 1. Hoàn thành bảng thống kê một thành tựu của văn minh thời Phục hưng còn ý nghĩa giá trị đến ngày nay. Giải thích lí do sự lựa chọn của em.

Lĩnh vực	Thành tựu tiêu biểu	Ý nghĩa giá trị	Lí do

CÂU 2. Chọn các từ hoặc cụm từ dưới đây, điền vào chỗ trống (.....) cho phù hợp để giới thiệu những nét chính về văn minh thời Phục hưng.

- đêm trường trung cổ người khổng lồ nhân bản và tự do*
văn hoá văn hoá Hy Lạp – La Mã nhân văn, khoa học
trật tự phong kiến Phục hưng

Thế kỉ V – XV, Tây Âu chìm trong.....Các nhà tư tưởng tư sản không chấp nhận những giáo lí phong kiến lỗi thời, họ vận động khôi phục lại sự huy hoàng của..... thời cổ đại, phát huy những giá trị, đề cao giá trị, xây dựng thế giới quan tiến bộ. Văn minh thời là một cuộc cách mạng về, cuộc tấn công đầu tiên của giai cấp tư sản vào, phản chiếu sức sống mãnh liệt của xã hội phương Tây bấy giờ. Thời kì này đã xuất hiện những “.....” về văn hoá như Lê-ô-na đờ Vanh-xi, Mi-ken-lăng-giơ, W. Sếch-xpia,... đóng góp quan trọng vào kho tàng văn minh nhân loại.

CÂU 3. Em hãy giải ô chữ hàng ngang dựa theo những gợi ý dưới đây và tìm ô chữ chủ.

A (9 chữ cái): Hai nền văn hoá của phương Tây cổ đại.

B (6 chữ cái): Quốc gia khởi đầu thời kì Phục hưng văn hoá.

C (15 chữ cái): Chủ nghĩa nào là mục tiêu đấu tranh của khoa học và triết học thời Phục hưng?

D (12 chữ cái): Tác phẩm nổi tiếng của nhà văn Xéc-van-tét (Cervantes), chống chế độ phong kiến lạc hậu (tiếng Anh).

0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
A																
B																
C																
D																

Ô CHỮ CHỦ (15 chữ cái ô màu xám): Vĩ nhân thời Phục hưng, họa sĩ nổi tiếng, thiên tài toàn năng nổi tiếng nhất thế giới thời Phục hưng là

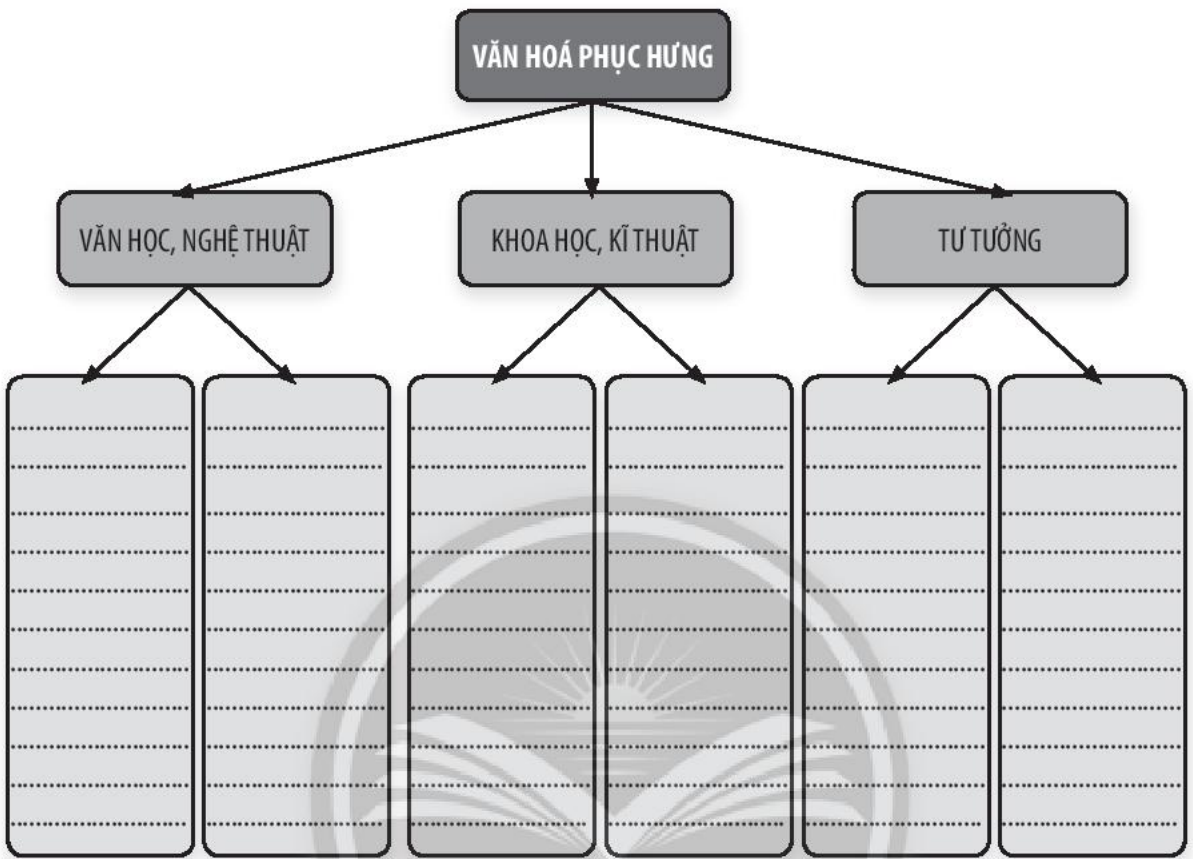
CÂU 4. Nối cột A (tác giả) với cột B (thành tựu) để làm rõ những thành tựu tiêu biểu của các nhà khoa học thời Phục hưng.

A	B
1. Cô-pec-ních	A. Cha đẻ thuyết “Nhật tâm”. Ông đã chứng minh trung tâm hành tinh chúng ta là Mặt Trời; Trái Đất là một hành tinh quay xung quanh Mặt Trời, một vòng trong một năm và tự quay quanh trục một vòng là một ngày.
2. Mi-ken-lăng-giơ (Michelangelo)	B. Cha đẻ thuyết “Địa tâm”. Ông cho rằng Trái Đất là trung tâm của Vũ Trụ và Mặt Trời cùng các thiên thể khác quay xung quanh nó.
3. C. Ptô-lê-my (C. Ptolemaeus)	E. Trong tác phẩm “ <i>Bàn về vũ trụ vô hạn và thế giới</i> ” (1584), ông cho rằng Mặt Trời không phải là trung tâm của Vũ Trụ mà chỉ là trung tâm của Thái dương hệ, ông khẳng định có tồn tại nhiều thế giới hơn nữa bên ngoài Trái Đất, mỗi thế giới quay xung quanh Mặt Trời riêng của chúng.
4. G. Bru-nô (G. Bruno)	D. Họa sĩ, nhà điêu khắc, kiến trúc sư, nhà thơ và kĩ sư thời kì Phục hưng với các tác phẩm nổi tiếng như tượng <i>Đức Mẹ Sầu Bi</i> , tượng <i>Đa-vít (David)</i> , <i>Thiên Chúa sáng thế</i> trên trần Nhà nguyện Xích-xtin (Sistine) và <i>Cuộc phán xét cuối cùng</i> trên bức tường bệ án thờ Nhà nguyện Xích-xtin ở La Mã.

CÂU 5. Nối nhân vật ở cột A cho phù hợp với cột B và C.

A	B (Thông tin cá nhân)	C (Thành tựu tiêu biểu)
Lê-ô-na đờ Vanh-xi	Hoạ sĩ, nhà điêu khắc, kiến trúc sư, nhà thơ và kĩ sư thời kì Phục hưng ở I-ta-li-a.	Các tác phẩm nổi tiếng nhất của ông: tượng <i>Đức Mẹ Sầu Bi</i> và tượng <i>Đa-vít</i> , <i>Thiên Chúa sáng thế</i> trên trần Nhà nguyện Xích-xtin và <i>Cuộc phán xét cuối cùng</i> trên bức tường bệ án thờ Nhà nguyện Xích-xtin ở La Mã.
Mi-ken-lăng-giô	Nhà soạn kịch vĩ đại người Anh, tác phẩm phản ánh đời sống xã hội đầy biến động như <i>Rô-mê-ô (Romeo)</i> và <i>Giu-li-ét (Juliet)</i> , <i>Ham-lét (Hamlet)</i> , <i>Ô-ten-lô (Othello)</i> ,...	Cống hiến của ông in đậm dấu ấn lên kịch nghệ và văn chương các thế hệ sau. Ông đã phát triển kịch nghệ cả về xây dựng nhân vật, cốt truyện, ngôn ngữ và thể loại, sử dụng độc thoại để khám phá tâm trí nhân vật,...
W. Sếch-xpia (William Shakespeare)	Triết gia, nhà khoa học, nhà toán học người Pháp, cha đẻ của triết học hiện đại.	Hệ thống hoá hình học giải tích, hệ các trục tọa độ vuông góc được mang tên ông; người đầu tiên dùng các chữ cái cuối cùng của bảng chữ cái để chỉ các ẩn số,...
R. Đê-cát-tơ (R. Descartes)	“Cha đẻ của khoa học hiện đại”, đóng góp to lớn vào ngành giải phẫu học, thiên văn học, xây dựng dân dụng, quang học và nghiên cứu về thủy lực,...	Là một hoạ sĩ với những bức hoạ nổi tiếng như <i>Bữa tiệc cuối cùng</i> , <i>Nàng La Giô-công-đơ</i> ,... Từ thế kỉ XV, ông đã có những ý tưởng vượt thời đại, đặc biệt là khái niệm về máy bay trực thăng, xe tăng, dù thoát hiểm, máy tính, tàu đáy kép, tàu ngầm, cánh quạt gió, súng máy, máy dệt,...

CÂU 6. Hoàn thành sơ đồ để làm rõ các nội dung, thành tựu, ý nghĩa của văn hoá Phục hưng.



CÂU 7. Hoàn thành bảng thống kê dưới đây về các thành tựu văn minh thời Phục hưng.

Lĩnh vực	Tư tưởng	Văn học	Kiến trúc	Điêu khắc	Khoa học tự nhiên
Thành tựu
Tác giả

CÂU 8. Theo em, tác phẩm “*Tượng Đa-vít – phần thân trên*” (Mi-ken-lăng-giơ) phản ánh tư tưởng gì của phong trào Văn hoá Phục hưng?



Hình 10.1. Tượng Đa-vít, phần thân trên

Chân trời sáng tạo

CÂU 9. Hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

1. Trong phong trào Văn hoá Phục hưng, giai cấp tư sản chủ trương

- A. khôi phục tinh hoa văn hoá phương Tây và xây dựng nền văn hoá mới.
- B. khôi phục tinh hoa văn hoá Hy Lạp, La Mã, xây dựng nền văn hoá mới.
- C. phục hưng nền văn hoá phong kiến, xây dựng nền văn hoá mới.
- D. phục hưng văn hoá phương Đông, xây dựng nền văn hoá mới.

2. Qua những tác phẩm văn học, nghệ thuật thời Phục hưng, giai cấp tư sản đã nghiêm khắc lên án

- A. giai cấp tư sản.
- B. trật tự phong kiến.
- C. giáo hội Thiên Chúa giáo.
- D. vua quan phong kiến.

3. Văn hoá Phục hưng đã đề cao vấn đề nào dưới đây?

- A. Khoa học, nhân văn.
- B. Giá trị nhân bản, nhân văn.
- C. Giá trị nhân bản và tự do.
- D. Độc lập và tự do.

4. Điều kiện nào đóng vai trò chủ yếu dẫn đến sự ra đời của phong trào Văn hoá Phục hưng?

- A. Quan hệ sản xuất phong kiến bị phá vỡ.
- B. Sự ra đời của giai cấp tư sản.
- C. Sự lớn mạnh của thành thị trung đại.
- D. Nhiều phát minh kĩ thuật.

5. Phong trào Văn hoá Phục hưng (thế kỉ XIV – XVII) đã đạt được những thành tựu rực rỡ về mọi mặt, đặc biệt là lĩnh vực

- A. khoa học tự nhiên.
- B. kinh tế và văn hoá.
- C. văn học, nghệ thuật.
- D. chính trị và lịch sử.

6. Văn hoá Phục hưng (thế kỉ XIV – XVII) có nghĩa là khôi phục lại

- A. toàn bộ nền văn hoá cổ đại, sáng tạo nền văn hoá mới của giai cấp tư sản.
- B. văn hoá Hy Lạp – La Mã và sáng tạo nền văn hoá mới của giai cấp tư sản.
- C. nền văn hoá phong kiến và sáng tạo nền văn hoá mới của giai cấp tư sản.
- D. đặc trưng văn hoá châu Âu, sáng tạo nền văn hoá mới của giai cấp tư sản.

7. Ý nào dưới đây không phản ánh đúng nguyên nhân xuất hiện của phong trào Văn hoá Phục hưng?

- A. Giáo lí đạo Ki-tô, tư tưởng của chế độ phong kiến mang những quan điểm lỗi thời.
- B. Giai cấp tư sản có thế lực về kinh tế nhưng lại chưa có địa vị xã hội tương ứng.
- C. Con người bước đầu có những nhận thức khoa học về bản chất của thế giới.
- D. Sự xuất hiện trào lưu Triết học Ánh sáng đã tạo tiền đề cho phong trào.

8. Phong trào Văn hoá Phục hưng đã đạt được những thành tựu rực rỡ về mọi mặt, đặc biệt là lĩnh vực

- A. khoa học tự nhiên.
- B. kiến trúc và xây dựng.
- C. văn học và nghệ thuật.
- D. triết học và lịch sử.

9. Thời đại Văn hoá Phục hưng đã chứng kiến sự tiến bộ vượt bậc của lĩnh vực nào?

- A. Văn học nghệ thuật.
- B. Khoa học xã hội và nhân văn.
- C. Khoa học – kĩ thuật.
- D. Tư tưởng văn hoá.

10. Trong giai đoạn đầu của thời đại Văn hoá Phục hưng, giai cấp tư sản đấu tranh chống chế độ phong kiến bằng hình thức

- A. không nộp thuế cho nhà vua.
- B. đấu tranh đòi các quyền lợi về kinh tế.
- C. đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng văn hoá.
- D. làm cách mạng lật đổ chế độ phong kiến.

11. Ph. Ăng-ghen nhận định “Văn hoá Phục hưng” là

- A. một cuộc cách mạng tiến bộ vĩ đại.
- B. một cuộc tấn công lên trời.
- C. cuộc cách mạng về chính trị.
- D. cuộc đấu tranh về văn hoá, tư tưởng.

12. Trong thời Phục hưng đã xuất hiện rất nhiều nhà văn hoá, khoa học thiên tài được mệnh danh là những người

- A. vĩ đại.
- B. thông minh.
- C. xuất chúng.
- D. khổng lồ.

13. Cơ sở tư tưởng chính thống của giai cấp phong kiến ở châu Âu thời trung đại là giáo lí

- A. đạo Ki-tô.
- B. đạo Phật.
- C. đạo Hồi.
- D. đạo Nho.

14. Mục đích chính của giai cấp tư sản khi khởi xướng phong trào Văn hoá Phục hưng là

- A. khôi phục tinh hoa văn hoá của Hy Lạp, La Mã cổ đại.
- B. khôi phục những giá trị văn hoá đã bị chế độ phong kiến vùi dập.
- C. đề cao giá trị con người, các quyền tự do cá nhân và tri thức khoa học – kĩ thuật.
- D. xây dựng nền văn hoá mới của giai cấp tư sản chống lại quan điểm giáo hội Ki-tô.

15. Vì sao phong trào Văn hoá Phục hưng được đánh giá là một “Cuộc cách mạng tiến bộ vĩ đại”?

- A. Tạo ra sự biến đổi căn bản trong nhận thức của người châu Âu thời đó.
- B. Mở ra những vùng đất mới, những con đường mới và những dân tộc mới.
- C. Thị trường thế giới được mở rộng, thúc đẩy hàng hải quốc tế phát triển.
- D. Thúc đẩy quá trình khủng hoảng, tan rã của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu.

16. Bản chất của phong trào Văn hoá Phục hưng là

- A. Cuộc cách mạng về xã hội để xác lập sự thống trị của giai cấp tư sản.
- B. Cuộc đấu tranh kinh tế của quần chúng nhân dân với giai cấp tư sản.
- C. Cuộc đấu tranh giữa hệ tư tưởng phong kiến và quyền lực của Giáo hội.
- D. Cuộc cách mạng tư tưởng của giai cấp tư sản chống chế độ phong kiến.

17. Những tiến bộ của khoa học – kĩ thuật giúp con người thoát khỏi tình trạng lạc hậu và nhận thức được bản chất của thế giới là

- A. nội dung của phong trào Văn hoá Phục hưng.
- B. nguyên nhân ra đời phong trào Văn hoá Phục hưng.
- C. hậu quả của nền văn hoá Phục hưng.
- D. bản chất của nền văn hoá Phục hưng.

18. Phong trào Văn hoá Phục hưng không chỉ có vai trò tích cực là phát động quần chúng đấu tranh chống lại xã hội phong kiến mà còn là một cuộc cách mạng

- A. tiến bộ vĩ đại.
- B. dân chủ tư sản.
- C. xã hội.
- D. tư sản.

19. Phong trào Văn hoá Phục hưng được biết đến nhiều nhất bởi những thành tựu lớn lao trong lĩnh vực

- A. âm nhạc.
- B. mỹ thuật.
- C. triết học.
- D. văn học.

CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP TRONG LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Bài 11

CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI KÌ CẬN ĐẠI

CÂU 1. Em hãy giải ô chữ hàng ngang dựa theo những gợi ý dưới đây và tìm ô chữ chủ.

– A (11 chữ cái): Phát minh của H. Pi-xi (H.Pixii) dựa trên nguyên lí Pha-ra-đây (Faraday), thúc đẩy nhanh việc sử dụng năng lượng điện.

– B (13 chữ cái): Phát minh của Giêm Oát (James Watt), là biểu tượng của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất.

– C (10 chữ cái): N. Te-xla (N.Tesla), T. Ê-đi-xơn (T.Edison) và G. Oét-tinh-hao (G. Westinghouse) đã có những phát minh tiên phong trong lĩnh vực này.

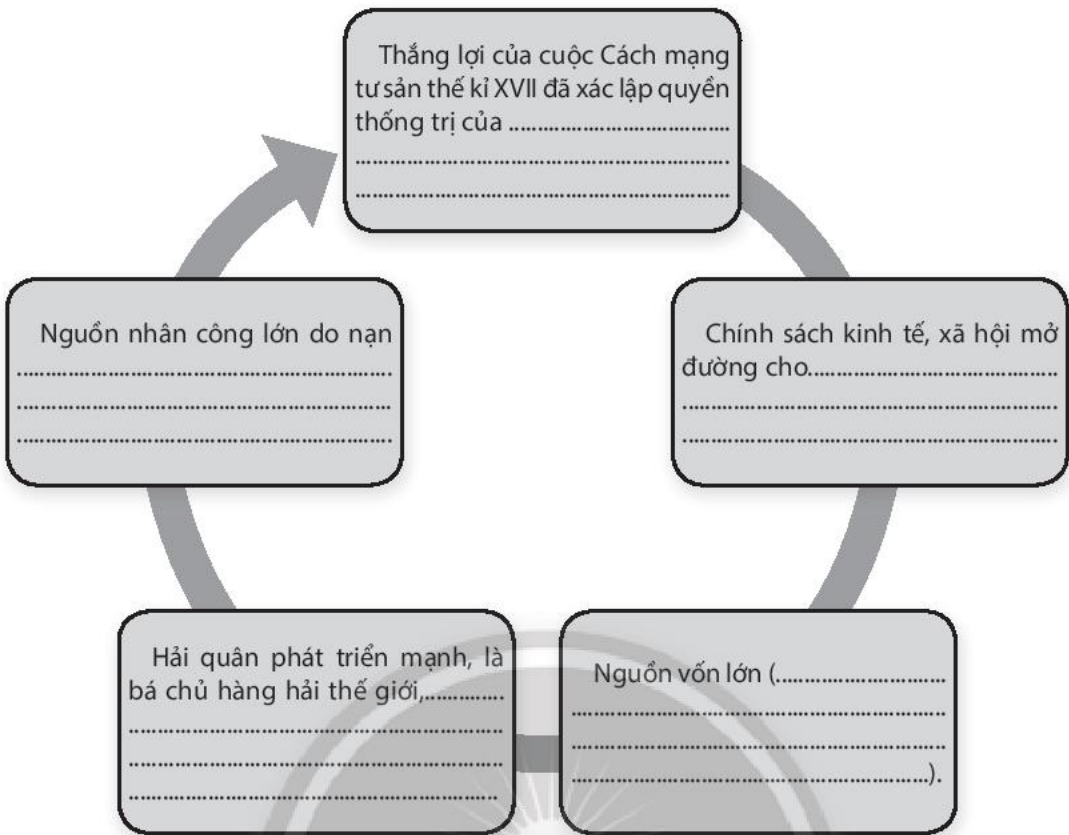
– D (8 chữ cái): Kỉ nguyên sản xuất hình thành với sự ra đời của máy hơi nước.

– E (4 chữ cái): Năng lượng được mệnh danh là “nguồn năng lượng của người nghèo”.

	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
A														
B														
C														
D														
E														

Ô CHỮ CHỦ (18 chữ cái, ô màu xám):

CÂU 2. Điền vào chỗ trống các nội dung phù hợp để giải thích tại sao cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất lại khởi đầu từ nước Anh.



CÂU 3. Điền vào phần trống trong các ô dưới đây để làm rõ bối cảnh lịch sử dẫn đến hai cuộc cách mạng công nghiệp thời cận đại.

a. Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất

Phát kiến địa lí (thế kỉ XV - XVI) thúc đẩy	Cách mạng tư sản thắng lợi →	Nông dân mất đất trở thành	Những cải tiến và tiến bộ về kĩ thuật	Vốn +..... +.....
---	------------------------------------	----------------------------------	---	-------------------------

b. Cách mạng công nghiệp lần thứ hai

Thành tựu Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất là	Cách mạng tư sản hoàn thành ở	Chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang	Lực lượng sản xuất ở các nước tư bản	Khởi đầu từ nước Mỹ, nhiều thành tựu kĩ thuật và khoa học xuất hiện
---	-------------------------------------	---	--	---

CÂU 4. Chọn các từ hoặc cụm từ dưới đây, điền vào chỗ trống (.....) để giải thích vì sao máy hơi nước ra đời đã mở ra kỉ nguyên sản xuất cơ khí, cơ giới hoá.

cơ giới hoá

cách mạng công nghiệp

kĩ thuật

máy hơi nước

văn minh công nghiệp

công nghiệp hoá

hơi nước

Trong thời kì từ thập niên 60 của thế kỉ XVIII, có một phát minh mà sự thành công của nó đã làm thay đổi thế giới, giúp cho con người thoát khỏi sự hạn chế về....., đó là.....của kĩ sư Giêm Oát (1736 – 1819). Người đàn ông này đã khuất phục sức mạnh củađể phục vụ đắc lực cho đời sống của con người. Sự ra đời của.....đã tạo điều kiện cho sự bùng nổ của cách mạng công nghiệp thế kỉ XIX. Phát minh này đã tạo động lực cho cuộc....., chuyển nhân loại từ nền văn minh nông nghiệp sang nền.....Máy hơi nước ra đời đã đặt nền móng cho quá trình.....nền sản xuất của loài người sau nhiều thế kỉ hình thành và phát triển. Những xưởng dệt, công trường thủ công, đóng tàu, luyện kim,... dần được xây dựng tại khắp các đô thị.

CÂU 5. Hoàn thành bảng thống kê hai cuộc cách mạng công nghiệp thời cận đại theo các tiêu chí dưới đây:

Lĩnh vực	Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất	Cách mạng công nghiệp lần thứ hai
1. Đặc điểm
2. Thành tựu nổi bật
3. Ý nghĩa, giá trị

CÂU 7. Hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

1. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất trên thế giới được bắt đầu trong lĩnh vực nào dưới đây?

- A. Luyện thép.
- B. Công nghiệp luyện kim.
- C. Giao thông vận tải.
- D. Ngành dệt.

2. Anh là nước đầu tiên trên thế giới tiến hành Cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII – XIX vì

- A. có điều kiện đủ về vốn, nhân công, cách mạng tư sản nổ ra sớm.
- B. có nguồn nhân lực kĩ thuật cao, lực lượng các nhà khoa học đông đảo.
- C. có nguồn nhân lực kĩ thuật cao, đủ điều kiện để đẩy mạnh sản xuất.
- D. cách mạng tư sản nổ ra sớm, thu được nhiều lợi nhuận trong chiến tranh.

3. Phát minh máy hơi nước của Giêm Oát (1784) có ý nghĩa, tác động như thế nào về kinh tế?

- A. Làm tốc độ sản xuất và năng suất lao động tăng.
- B. Quá trình lao động ngày càng được xã hội hoá cao.
- C. Điều kiện lao động của công nhân được cải thiện.
- D. Phát minh mở đầu cho cuộc cách mạng công nghiệp.

4. Một trong những ý nghĩa việc phát minh ra máy hơi nước của Giêm Oát (1784) là

- A. quá trình lao động ngày càng được xã hội hoá cao.
- B. làm giảm sức lao động cơ bắp của con người.
- C. điều kiện lao động của công nhân được cải thiện.
- D. là phát minh mở đầu cho cuộc cách mạng công nghiệp.

5. Một trong những ý nghĩa tích cực của việc Giêm Oát phát minh ra máy hơi nước (1784) là

- A. phát minh mở đầu cho cuộc cách mạng công nghiệp.
- B. quá trình lao động ngày càng được xã hội hoá cao.
- C. điều kiện lao động của công nhân được cải thiện.
- D. khởi đầu quá trình công nghiệp hoá ở nước Anh.

6. Nội dung nào dưới đây không phải ý nghĩa việc phát minh ra máy hơi nước của Giêm Oát (1784)?

- A. Lao động chân tay dần được thay thế bằng máy móc.
- B. Làm giảm sức lao động cơ bắp của con người.
- C. Quá trình lao động ngày càng được xã hội hoá cao.
- D. Khởi đầu quá trình công nghiệp hoá ở nước Anh.

7. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất diễn ra đầu tiên ở

- A. Anh.
- B. Pháp.
- C. Đức.
- D. Mỹ.

8. Phát minh nào dưới đây được xem là phát minh khởi đầu cho cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất?

- A. Máy kéo sợi Gien-ni (Jenny).
- B. Động cơ hơi nước.
- C. Đầu máy xe lửa.
- D. Máy dệt.

9. Năm 1814, G. Xti-phen-xơn (Stephenson) đã chế tạo thành công

- A. đầu máy xe lửa đầu tiên.
- B. máy hơi nước đầu tiên.
- C. máy kéo sợi chạy bằng sức nước.
- D. máy kéo sợi Gien-ni.

10. Điểm khác biệt giữa phát minh máy hơi nước của Giêm Oát (1784) so với những phát minh, sáng chế trong ngành dệt và kéo sợi thế kỉ XVIII – XIX là

- A. làm tăng năng suất lao động.
- B. giảm sức lao động cơ bắp của con người.
- C. được áp dụng trong sản xuất.
- D. hoạt động không phụ thuộc điều kiện tự nhiên.

11. Điều kiện cần và đủ để nước Anh tiến hành cuộc cách mạng công nghiệp là

- A. vốn tư bản, nhân công, thuộc địa.
- B. sự phát triển kĩ thuật, nhân công.
- C. vốn, nhân công, sự phát triển kĩ thuật.
- D. nhân công, sự phát triển kĩ thuật, thuộc địa.

12. Nội dung nào dưới đây là một trong những tiền đề dẫn đến cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất?

- A. Nước Anh có hệ thống thuộc địa bao la, rộng lớn.
- B. Giai cấp tư sản tiến hành các cuộc phát kiến địa lí.

- C. Giai cấp tư sản Anh tích lũy được nguồn tư bản lớn.
- D. Kinh tế tư bản chủ nghĩa thâm nhập vào nông nghiệp.

13. Một trong những hệ quả xã hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất là

- A. hình thành hai giai cấp tư sản và vô sản.
- B. quá trình lao động ngày càng được xã hội hoá cao.
- C. nhiều thành thị đông dân xuất hiện.
- D. đời sống giai cấp công nhân ngày càng cơ cực.

14. Phát minh tiêu biểu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ hai là

- A. điện và động cơ điện.
- B. động cơ chạy bằng xăng dầu.
- C. xe hơi.
- D. xe lửa.

15. Một trong những phát minh quan trọng trong lĩnh vực thông tin liên lạc vào giữa thế kỉ XIX là

- A. điện thoại cố định.
- B. máy điện tín.
- C. điện thoại di động.
- D. máy Fax.

16. Năm 1903, phát minh nào ra đời có ý nghĩa quan trọng trong lĩnh vực giao thông vận tải?

- A. Ô tô.
- B. Máy bay.
- C. Tàu thủy.
- D. Tàu hoả.

17. Nguồn năng lượng nào được phát hiện trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ hai, được mệnh danh là “nguồn năng lượng của người nghèo”?

- A. Nước.
- B. Dầu hoả.
- C. Mặt Trời.
- D. Điện.

18. Trong giai đoạn cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, nhiều nguồn năng lượng được phát hiện và đưa vào sử dụng, ngoại trừ

- A. Than đá.
- B. Điện.
- C. Dầu mỏ.
- D. Hạt nhân.

19. Việc sử dụng động cơ đốt trong đã tạo ra khả năng phát triển ngành nào?

- A. Chế tạo ô tô.
- B. Chế tạo máy bay.
- C. Khai thác mỏ.
- D. Giao thông vận tải.

CÂU 1. Điền vào bài viết những thông tin cho sẵn về rô-bốt AI Xô-phi-a (robot AI Sophia). Em suy nghĩ như thế nào về quan niệm gia đình của cô ấy? Chọn các từ hoặc cụm từ dưới đây, điền vào chỗ trống (.....) cho phù hợp.

suy nghĩ sáng tạo quyền công dân gia đình diễn thuyết
quan hệ gia đình con người nhìn, nghe Xô-phi-a
lắng nghe trí tuệ

.....là rô-bốt AI được thiết kế và phát triển bởi công ty công nghệ Mỹ Hanson Robotics.....có đôi mắt được trang bị máy ảnh video cho phép giao tiếp bằng mắt thể hiện được 62 sắc thái biểu cảm, có.....và khả năng hoạt động như.....
.....để giúp đỡ chính con người trong cuộc sống. Phần mềm của Xô-phi-a được cấu thành từ ba phần:.....ở mức cơ bản, khả năng.....với văn bản được nạp sẵn, kết hợp cùng thuật toán để ngắt nối câu từ sao cho hợp lí. Cuối cùng là một hệ thống sử dụng chatbox kết hợp với cơ khí, giúp Xô-phi-a có thể nhìn ai đó,.....để lọc ra những “từ khoá” và “ngữ nghĩa”, sau đó lựa chọn những câu trả lời được soạn sẵn để phát ngôn. Ngày 25 – 10 – 2017, Xô-phi-a đi vào lịch sử khi trở thành rô-bốt đầu tiên được chính phủ A-rập Xê-út cấp.....như con người. Mới đây,.....khiến nhiều người ngỡ ngàng khi tuyên bố muốn có con và xây dựng..... Trong một cuộc phỏng vấn, cô nói: “.....là một điều thực sự quan trọng. Tôi nghĩ thật tuyệt vời khi mọi người có thể tìm thấy một mối quan hệ giàu cảm xúc mà họ gọi là....., dù không chung dòng máu”.

CÂU 2. Điền vào chỗ trống các nội dung liên quan đến bối cảnh ra đời các cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại.

a. Cách mạng công nghiệp lần thứ ba

Thành tựu Cách mạng công nghiệp lần.....	Nhu cầu của	Bùng nổ..... cạn kiệt.....	Những cải tiến và tiến bộ về kĩ thuật	Kinh tế thế giới phát triển mạnh, đặc biệt là
--	--	--	--	---

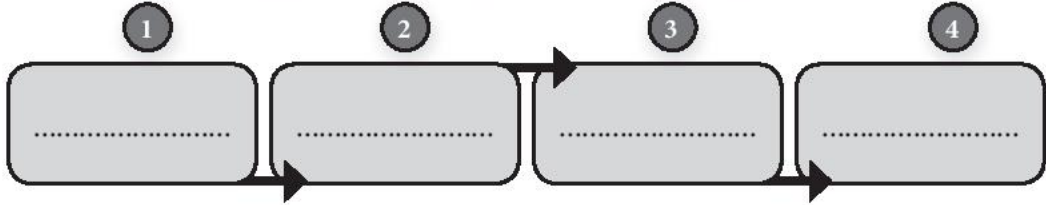
b. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Cách mạng 4.0)

Những thành tựu	Nhu cầu càng cao về...	Toàn cầu hoá diễn ra mạnh mẽ →	Khủng hoảng tài chính, nợ công, suy thoái kinh tế →
--	---	---	--

CÂU 3. Hoàn thành bảng thống kê hai cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại theo các tiêu chí dưới đây:

Lĩnh vực	Cách mạng công nghiệp lần thứ ba	Cách mạng công nghiệp lần thứ tư
1. Đặc điểm
2. Thành tựu nổi bật
3. Ý nghĩa, giá trị

CÂU 4. Sắp xếp các hình dưới đây theo đúng tiến trình phát triển của 4 cuộc cách mạng công nghiệp trên thế giới. Nêu điểm nổi bật của từng cuộc cách mạng này.



	Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất:.....	Cách mạng công nghiệp lần thứ hai:.....	Cách mạng công nghiệp lần thứ ba:.....	Cách mạng công nghiệp lần thứ tư:.....
Điểm nổi bật

CÂU 5. Hãy nối thời gian ở cột A cho phù hợp với thành tựu cách mạng công nghiệp ở cột B và xác định thành tựu đó thuộc lĩnh vực nào ở cột C.

A (Thời gian)	B (Thành tựu)	C (Lĩnh vực)
1. Năm 1991	A. Cừu Dolly được ra đời nhờ công nghệ sinh sản vô tính.
2. Thành tựu nổi bật	B. Các nhà khoa học giải mã thành công bản đồ gen người.
3. Ý nghĩa, giá trị	C. Mỹ phóng tàu vũ trụ Apollo 11 đưa người lên thám hiểm Mặt Trăng.
4. Năm 2015	D. Mạng thông tin toàn cầu world wide web ra đời.
5. Năm 2003	E. Mạng xã hội facebook thành lập.
6. Năm 2004	G. Rô-bốt AI.

CÂU 8. Hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

1. Cuộc Cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ ba diễn ra trong lĩnh vực khoa học cơ bản có ý nghĩa

- A. tạo cơ sở lí thuyết cho các ngành khoa học khác và là nền móng của tri thức.
- B. tạo cơ sở khoa học giúp con người phát minh ra các vật liệu mới.
- C. khoa học và kĩ thuật kết hợp thành một thể thống nhất, tạo nên sức mạnh tổng hợp.
- D. giải quyết được những vấn đề kĩ thuật phục vụ cho cuộc sống và sản xuất

2. Đặc điểm lớn nhất của cuộc Cách mạng khoa học – kĩ thuật sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. kĩ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.
- B. khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.
- C. sự bùng nổ của các lĩnh vực khoa học – công nghệ.
- D. mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ sản xuất.

3. Những hậu quả tiêu cực mà Cách mạng khoa học – kĩ thuật mang lại cho nhân loại là

- A. làm thay đổi cơ bản các nhân tố sản xuất.
- B. đưa nhân loại bước sang một nền văn minh mới.
- C. sản xuất vũ khí huỷ diệt, ô nhiễm môi trường, bệnh tật, tai nạn giao thông.
- D. kinh tế thế giới có tính quốc tế hoá cao, thị trường thế giới đang hình thành.

4. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba sử dụng điện tử và công nghệ thông tin để tự động hoá sản xuất nên còn được gọi là

- A. cách mạng điện tử.
- B. cách mạng cơ khí hoá.
- C. cách mạng số.
- D. cách mạng tự động hoá.

5. Quốc gia khởi đầu Cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai và thứ ba là

- A. Anh.
- B. Nhật
- C. Mỹ.
- D. Liên Xô.

6. Các cuộc cách mạng tạo điều kiện cho các nước châu Âu và Mỹ vươn lên thành cường quốc công nghiệp là

- A. hai cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại.
- B. Cách mạng tư sản Anh và Cách mạng công nghiệp Anh.
- C. Cách mạng công nghiệp Anh và Cách mạng tư sản Pháp.
- D. hai cuộc cách mạng công nghiệp thời cận đại.

7. Nguồn gốc chung của các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử là

- A. nhu cầu chạy đua vũ trang, sản xuất vũ khí.
- B. phát minh ra các năng lượng, vật liệu mới.
- C. sự bùng nổ dân số và cạn kiệt về tài nguyên.
- D. nhu cầu cao của cuộc sống và sản xuất.

8. Nội dung nào dưới đây *không* phải là đặc điểm cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư?

- A. Sự hoà trộn công nghệ, xoá bỏ ranh giới giữa các lĩnh vực vật lí, kĩ thuật số và sinh học.
- B. Hình thành thị trường thế giới mới với xu thế toàn cầu hoá.
- C. Điện toán hoá ngành sản xuất, không cần con người tham gia.
- D. Đột phá đồng thời ở nhiều lĩnh vực, chuyển hoá toàn bộ thế giới thực thành thế giới số.

9. Nguồn gốc chính của những tiến bộ kĩ thuật và công nghệ trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba là

- A. khoa học. B. liên kết khu vực. C. xu thế toàn cầu. D. giáo dục.

10. Hai yếu tố khoa học và kĩ thuật kết hợp chặt chẽ thành một thể thống nhất, tạo nên sức mạnh tổng hợp là đặc điểm của cuộc cách mạng nào dưới đây?

- A. Cách mạng công nghiệp lần thứ ba.
- B. Cách mạng xanh trong nông nghiệp.

- C. Cách mạng công nghiệp lần thứ hai.
- D. Cách mạng công nghệ “thông minh”.

11. Thành tựu tiêu biểu mà nhân loại đạt được trong Cách mạng công nghiệp lần thứ ba chủ yếu thuộc các lĩnh vực

- A. công cụ sản xuất mới, năng lượng.
- B. giao thông vận tải – thông tin liên lạc.
- C. chinh phục vũ trụ, công nghệ thông tin.
- D. khoa học cơ bản và khoa học ứng dụng.

12. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là cuộc cách mạng kết hợp giữa các hệ thống ảo và thực thể, thông qua các công nghệ

- A. trí tuệ nhân tạo (AI), vạn vật kết nối – internet of things (IoT) và dữ liệu lớn (Big Data).
- B. điện tử và công nghệ thông tin, tự động hoá sản xuất nên được gọi là cuộc cách mạng số.
- C. máy tính, internet, tạo nên một thế giới kết nối, làm thay đổi tận gốc các lực lượng sản xuất.
- D. sinh học và thông tin, kết hợp chặt chẽ thành một thể thống nhất, tạo nên sức mạnh tổng hợp.

13. Trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba, phát minh kĩ thuật ra đời dựa trên

- A. sự phát triển của khoa học cơ bản.
- B. sự phát triển của văn minh nhân loại.
- C. việc tìm ra các loại vật liệu mới.
- D. việc cải tiến công cụ sản xuất.

14. Thành tựu nào trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba tham gia tích cực vào việc giải quyết vấn đề lương thực cho con người?

- A. Máy tự động và hệ thống máy tự động.
- B. Cách mạng xanh và công nghệ sinh học.

- C. Năng lượng mới và vật liệu mới.
- D. Giao thông vận tải và thông tin liên lạc.

15. Hạn chế cơ bản nhất của các cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại là

- A. việc đổi mới về cơ cấu dân cư và chất lượng nguồn nhân lực.
- B. sự phân công lao động và chuyên môn hoá ngày càng sâu sắc.
- C. làm thay đổi lối sống và phương thức làm việc của con người.
- D. ô nhiễm môi trường, tai nạn lao động, dịch bệnh, vũ khí huỷ diệt.

16. Một trong những hệ quả của các cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại là

- A. hình thành và phát triển xu thế toàn cầu hoá.
- B. quá trình cướp bóc thuộc địa, ô nhiễm môi trường.
- C. tạo ra những tiền đề cho cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- D. chủ nghĩa tư bản độc quyền thay thế tự do cạnh tranh.

17. Tác động tích cực của toàn cầu hoá là

- A. tạo ra nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc và độc lập tự chủ của các quốc gia.
- B. nâng cao tính cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế.
- C. làm trầm trọng thêm bất công xã hội và phân hoá giàu nghèo.
- D. làm cho mọi mặt của cuộc sống con người kém an toàn.

18. Thành tựu nổi bật của các cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại là các ngành nào?

- A. Công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới.
- B. Toán học, vật lí học, hoá học, sinh học.
- C. Điện tử, viễn thông, giao thông vận tải.
- D. Công nghệ vũ trụ, năng lượng nguyên tử, năng lượng hạt nhân.

VĂN MINH ĐÔNG NAM Á CỔ - TRUNG ĐẠI

**Bài
13**

CƠ SỞ HÌNH THÀNH VĂN MINH ĐÔNG NAM Á THỜI CỔ — TRUNG ĐẠI

CÂU 1. Chọn các từ hoặc cụm từ dưới đây và điền vào chỗ trống (.....) cho phù hợp để hoàn thành đoạn thông tin về những đặc trưng cơ bản của văn minh Đông Nam Á.

làng xã

mẫu hệ và vai trò quan trọng của phụ nữ

thạo nghề biển

mai táng trong chum

trồng lúa nước

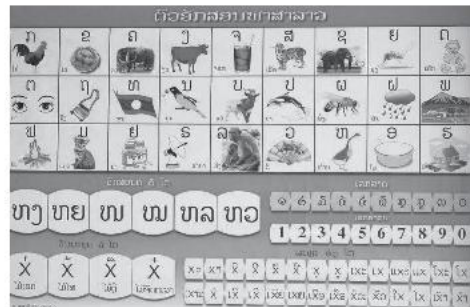
thờ cúng tổ tiên

Những đặc trưng cơ bản của nền văn minh này chính là:; thuần dưỡng gia súc, gia cầm; sử dụng công cụ kim khí;; chế độ; tổ chức xã hội theo mô hình trồng lúa nước; bái vật giáo; và thổ thần; tục..... (gốm hoặc đá); ngôn ngữ linh động, sáng tạo; dệt vải in hoa bằng sáp ong; dàn nhạc có nhiều bộ gõ.

CÂU 2. Hãy tìm hiểu và cho biết các thành tựu dưới đây chịu ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ hay Trung Quốc. Từ đó, hãy giải thích vì sao người phương Tây trước đây gọi khu vực Đông Nam Á là “Đông Ấn”. Các thành tựu đó vẫn giữ được những yếu tố văn hoá bản địa nào?



a. Bản kinh lá bối lưu giữ tại thư viện Wat Phum Thmei đan xen hài hoà giữa tiếng Pa-li (Pali) và tiếng Khmer.



b. Bảng chữ cái tiếng Lào.



c. Tượng thần Khẩn Na La huyền thoại tại chùa Phra Kaew (chùa Phật Ngọc), Băng Cốc.



d. Các diễn viên chính trong hai vở nhạc kịch ở In-đô-nê-xi-a (Indonesia) và Thái Lan dựa trên Ra-ma-y-a-na (Ấn Độ).



e. Quần thể di tích cố đô Huế (Việt Nam).



f. Chùa Sờ-que-đa-gon (Shwedagon) ở Bagan là chùa được dát vàng đầu tiên ở Mi-an-ma (Myanmar).

– Những thành tựu chịu ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ:

.....

.....

.....

– Những thành tựu chịu ảnh hưởng văn hoá Trung Quốc:

.....

.....

.....

CÂU 3. Hãy cho biết các món ăn truyền thống của cư dân Đông Nam Á trong hình được làm từ nguyên liệu chính gì và đã thể hiện tính thống nhất trong đa dạng như thế nào. Từ nguyên liệu chính đó, nêu đặc trưng quan trọng nhất chi phối văn minh Đông Nam Á cổ – trung đại.



Hình 13.1. Một số món ăn của các quốc gia khu vực Đông Nam Á

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CÂU 4. Hình ảnh dưới đây là biểu tượng gì? Vì sao tổ chức ASEAN chọn bó lúa làm biểu tượng chung của khối? Nghề trồng lúa đã ảnh hưởng như thế nào đến văn minh Đông Nam Á?



Hình 13.2.
Biểu tượng Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5. Đánh giá nào dưới đây đúng nhất về nền văn hoá Đông Nam Á thời phong kiến?

- A. Tiếp thu, chọn lọc văn hoá bên ngoài và xây dựng được nền văn hoá riêng với những giá trị tinh thần độc đáo.
- B. Tiếp thu phần lớn những giá trị văn hoá bên ngoài, nhất là văn hoá Trung Quốc và Ấn Độ.
- C. Chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn hoá một số nước phương Tây được du nhập bởi những thương nhân châu Âu.
- D. Mang đậm bản sắc văn hoá truyền thống, không chịu ảnh hưởng của các yếu tố văn hoá bên ngoài.

6. Đông Nam Á chịu ảnh hưởng chủ yếu của gió mùa, tạo nên hai mùa tương đối rõ rệt, đó là

- A. mùa khô và mùa hanh.
- B. mùa khô và mùa mưa.
- C. mùa đông và mùa xuân.
- D. mùa thu và mùa hạ.

7. Ngành sản xuất chính của cư dân các nước Đông Nam Á là

- A. buôn bán đường biển.
- B. thủ công nghiệp.
- C. nông nghiệp.
- D. chăn nuôi gia súc lớn.

8. Loại cây lương thực được trồng chủ yếu ở Đông Nam Á là

- A. lúa nước.
- B. lúa mì.
- C. ngô.
- D. đậu nành.

9. Ý nào không phản ánh đúng cơ sở ra đời của các quốc gia cổ ở Đông Nam Á?

- A. Địa hình bị chia cắt, lại tiếp giáp biển đã tạo điều kiện cho sự ra đời của các thị quốc chuyên làm nghề buôn bán đường biển.
- B. Công cụ bằng kim loại xuất hiện.
- C. Sự phát triển của nền kinh tế bản địa.
- D. Sự tác động về mặt kinh tế của các thương nhân Ấn và sự ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ, Trung Quốc.

10. Ý nào không phải là đặc điểm nổi bật của các vương quốc cổ ở Đông Nam Á?

- A. Các quốc gia nhỏ, phân tán trên địa bàn hẹp.
- B. Hình thành nhà nước tương đối sớm.
- C. Sống riêng rẽ, nhiều khi xảy ra tranh chấp với nhau.
- D. Sớm đương đầu với làn sóng thiên di từ phương Bắc xuống.

**Bài
14****HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN VÀ
THÀNH TỰU VĂN MINH ĐÔNG NAM Á
THỜI CỔ — TRUNG ĐẠI**

CÂU 1. Hãy hoàn thành bảng hệ thống kiến thức các giai đoạn phát triển của văn minh Đông Nam Á. Điền các chữ cái tương ứng với ý đúng vào bảng dưới đây.

- A. Phật giáo ảnh hưởng sâu sắc.
- B. Du nhập thêm và chịu ảnh hưởng của Hồi giáo.
- C. Khủng hoảng, suy thoái.
- D. Hình thành các “quốc gia dân tộc”.
- E. Phương Tây xâm nhập.
- G. Hình thành các quốc gia phong kiến.
- H. Thiên Chúa giáo bắt đầu du nhập.
- I. Tiếp biến văn hoá Ấn Độ, Trung Quốc đạt nhiều thành tựu rực rỡ.
- K. Dung hợp văn hoá bản địa với văn hoá Ấn Độ và Trung Quốc.

Thời kì	Thế kỉ I đến thế kỉ X	Thế kỉ X đến thế kỉ XV	Thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX
Đặc điểm
Tôn giáo

CÂU 2. Hãy tìm hiểu và cho biết các lễ hội truyền thống trong các hình dưới đây gắn liền với những tín ngưỡng bản địa nào của cư dân Đông Nam Á. Điểm giống nhau của các lễ hội này là gì? Các lễ hội này có gắn liền với yếu tố tôn giáo nào?



a. Lễ hội Bom Chaul Chnam
(Cam-pu-chia)



b. Lễ hội Bun Bangfai (Lào)



c. Lễ hội Loy Krathong
(Thái Lan)



d. Lễ hội Sarawak Gawai
(Ma-lai-xi-a)



e. Lễ hội đua bò Pacu Jawi
(In-đô-nê-xi-a)



g. Lễ hội Trò Trám
(Phú Thọ – Việt Nam)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CÂU 5. Hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

1. Từ khi người phương Tây bắt đầu có mặt ở Đông Nam Á, tôn giáo nào cũng xuất hiện và dần dần thâm nhập vào khu vực này?

- A. Hồi giáo. B. Đạo giáo. C. Thiên Chúa giáo. D. Phật giáo.

2. Đông Nam Á có hình thức tín ngưỡng nào vẫn được duy trì và phổ biến đến ngày nay?

- A. Thờ các vị thần. B. Tín ngưỡng phồn thực.
C. Thờ cúng tổ tiên. D. Nghi thức cầu mong được mùa.

3. Mối quan hệ giữa văn học viết và văn học dân gian của các dân tộc Đông Nam Á thể hiện như thế nào?

- A. Văn học dân gian làm nền tảng cho văn học viết.
B. Văn học viết làm nền tảng cho văn học dân gian.
C. Văn học viết tái tạo và thúc đẩy văn học dân gian phát triển.
D. Văn học dân gian và văn học viết tác động qua lại lẫn nhau.

4. Điền vào chỗ trống để hoàn thành câu dưới đây: “Khu đền Ăng-co Vát và Ăng-co Thom ở Cam-pu-chia, Thạt Luồng ở Lào, tháp Chăm ở Việt Nam vừa mang dáng dấp kiến trúc của, vừa có nét độc đáo riêng của nền văn hoá dân tộc, là những di tích lịch sử – văn hoá nổi tiếng thế giới”.

- A. Trung Quốc B. Thái Lan C. Ấn Độ D. In-đô-nê-xi-a

5. Các cư dân ở Đông Nam Á tiếp thu tôn giáo nào của Ấn Độ?

- A. Bà La Môn giáo, Phật giáo. B. Bà La Môn giáo, Hồi giáo.
C. Phật giáo, Hồi giáo. D. Hin-đu, Hồi giáo.

6. Từ khoảng thế kỉ XII – XIII, tôn giáo nào theo chân các thương nhân A-rập và Ấn Độ du nhập vào Đông Nam Á?

- A. Ấn Độ giáo.
- B. Thiên Chúa giáo.
- C. Bà La Môn giáo.
- D. Hồi giáo.

7. Dòng văn học viết của các nước ở Đông Nam Á hình thành trên cơ sở dòng văn học nào?

- A. Văn học dân gian.
- B. Văn học nước ngoài.
- C. Sự tích lịch sử và sự tích về tôn giáo.
- D. Văn học dân gian và văn học nước ngoài.

8. Hồi giáo du nhập và ảnh hưởng chủ yếu vào

- A. khu vực Đông Nam Á lục địa.
- B. khu vực Đông Nam Á đảo, bán đảo.
- C. toàn bộ khu vực Đông Nam Á.
- D. một phần Đông Nam Á lục địa.

9. Nét nổi bật của nền văn hoá các dân tộc Đông Nam Á là gì?

- A. Chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn hoá Ấn Độ.
- B. Chịu ảnh hưởng của văn hoá Trung Quốc.
- C. Nền văn hoá mang tính bản địa sâu sắc và chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của những thành tựu văn hoá Ấn Độ.
- D. Tiếp thu có chọn lọc những ảnh hưởng văn hoá bên ngoài, kết hợp với văn hoá bản địa tạo một nền văn hoá riêng và độc đáo.

10. Văn hoá Đông Nam Á có đặc điểm gì nổi bật?



- A. Chịu ảnh hưởng sâu sắc của tôn giáo.
- B. Thống nhất trong đa dạng.
- C. Bị chi phối bởi văn hoá Ấn Độ.
- D. Chịu ảnh hưởng văn hoá Trung Quốc.



MỘT SỐ NỀN VĂN MINH TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858)

Bài
15

VĂN MINH VĂN LANG — ÂU LẠC

CÂU 1. Hãy tìm hiểu, mô tả và sắp xếp các sản phẩm gốm dưới đây theo thứ tự trước sau. Từ các sản phẩm đó, hãy cho biết đặc điểm nổi bật trong nghệ thuật của các nền văn hoá Đông Sơn và tiền Đông Sơn.

STT	Thành tựu	Mô tả
1	 <p>a. Cốc gốm Gò Mun</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
2	 <p>b. Nồi gốm Phùng Nguyên</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

STT	Thành tựu	Mô tả
3	 <p data-bbox="315 540 651 579">c. Bình đất nung Đông Sơn</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
4	 <p data-bbox="349 975 610 1014">d. Vò gốm Đông Đậu</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

Sắp xếp thứ tự:.....

Đặc điểm nổi bật trong nghệ gốm của các nền văn hoá Đông Sơn và tiền Đông Sơn:.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



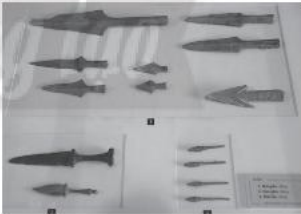

.....

.....

.....

.....

CÂU 2. Hãy chọn hình ảnh các di vật đồ đồng Đông Sơn ở cột B với nhóm loại ở cột A và điền vào chỗ trống (.....) dưới bảng. Quan sát các di vật và tìm ra đặc trưng của đồ đồng Đông Sơn. Kỹ thuật đúc đồng của cư dân Đông Sơn có điểm độc đáo nào?

A	B
1. Vũ khí	 <p>a. Tượng bò có người cưỡi</p>
2. Dụng cụ sản xuất	 <p>b. Các chuông đồng</p>
3. Dụng cụ sinh hoạt	 <p>c. Mũi tên đồng</p>
4. Nhạc cụ	 <p>d. Trống đồng tí hon</p>

A
5. Đồ trang sức
6. Hình tượng nhỏ
7. Minh khí (đồ dùng tùy táng)

B
 <p>e. Lưỡi cày đồng</p>
 <p>g. Muôi đồng Việt Khê</p>
 <p>h. Vòng chân bằng đồng</p>

A1

A2

A3

A4

A5

A6

A7

CÂU 3. Vì sao trống đồng Ngọc Lũ được công nhận là bảo vật quốc gia năm 2012? Hãy tìm hiểu và trình bày ý nghĩa của các hoa văn trên trống đồng này.



Hình 15.1. Trống đồng Ngọc Lũ
(Hà Nam)

.....

.....

.....

.....

.....

CÂU 6. Yếu tố nào thúc đẩy nhà nước sớm ra đời ở khu vực sông Hồng, sông Mã, sông Cả?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CÂU 7. Hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

1. Cư dân nào đã mở đầu thời đại đồng thau ở Việt Nam?

- A. Hoà Bình. B. Sơn Vi – Phú Thọ.
C. Lai Châu. D. Phùng Nguyên.

2. Cơ sở hình thành Nhà nước Văn Lang – Âu Lạc là văn hoá

- A. Đông Sơn. B. Đồng Nai.
C. Sa Huỳnh. D. Óc Eo.

3. Quốc hiệu nước ta dưới thời Hùng Vương là

- A. Văn Lang. B. Âu Lạc. C. Đại Việt. D. Đại Cổ Việt.

4. Kinh đô Cổ Loa của Nhà nước Âu Lạc thuộc địa bàn nào dưới đây?

- A. Đông Anh (Hà Nội). B. Phong Châu (Phú Thọ).
C. Trà Kiệu (Quảng Nam). D. Chà Bàn (Bình Định).

5. Những nghề thủ công nổi bật của người Việt cổ là

- A. đúc đồng, làm giấy in, đóng tàu, đồ gốm.
B. làm la bàn đi biển, làm mực in, dệt vải.

- C. đúc đồng, làm đồ gốm, dệt vải.
- D. đóng tàu, đánh cá, đồ gốm, dệt vải.

6. Đặc điểm của bộ máy Nhà nước Văn Lang – Âu Lạc là

- A. đã hoàn chỉnh, do vua Hùng đứng đầu.
- B. khá hoàn chỉnh, đứng đầu là vua Hùng.
- C. đơn giản, sơ khai, chưa hoàn chỉnh.
- D. ra đời sớm nhất ở khu vực Đông Nam Á.

7. Cư dân Văn Lang – Âu Lạc không có tập quán

- A. ở nhà sàn, nữ mặc áo, váy; nam đóng khố.
- B. nhuộm răng đen, ăn trầu.
- C. xăm mình, ăn trầu, thích dùng đồ trang sức.
- D. làm nhà trên sông nước.

8. Nét đặc sắc trong tín ngưỡng của người Việt cổ là

- A. thờ thần Mặt Trời, người chết và người có công với cách mạng.
- B. thờ thần sông, thần núi, người có công khai phá đất đai.
- C. sùng bái các hiện tượng tự nhiên, thần sông, thần núi.
- D. thờ cúng tổ tiên, các anh hùng dân tộc và những người có công.

9. Điểm giống nhau trong cơ sở hình thành Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc là do

- A. yêu cầu chống ngoại xâm, bảo vệ kinh tế nông nghiệp và làm thủy lợi.
- B. yêu cầu liên minh giữa các bộ lạc với nhau để cùng phát triển kinh tế.
- C. thương nghiệp phát triển cần tập trung để hình thành những đội tàu buôn.
- D. yêu cầu của các gia đình sống chung với nhau từ thế hệ này sang thế hệ khác.

10. Truyền thống biết ơn tổ tiên, các vị anh hùng, người có công với làng nước của người Việt Nam hiện nay bắt nguồn từ thời

- A. Văn Lang – Âu Lạc. B. Lâm Ấp. C. Chăm-pa. D. Phù Nam.

11. Nhân tố nào dưới đây đóng vai trò quan trọng đưa tới sự ra đời sớm của Nhà nước Văn Lang – Âu Lạc?

- A. Yêu cầu thống nhất toàn bộ lãnh thổ.
- B. Hoạt động trị thủy và chống ngoại xâm.
- C. Sự phân hoá giàu nghèo ngày càng sâu sắc.
- D. Kinh tế nông nghiệp có bước chuyển biến rõ nét.

12. Ý nào phản ánh *không* đúng cơ sở dẫn đến sự ra đời sớm của Nhà nước Văn Lang – Âu Lạc?

- A. Yêu cầu phát triển buôn bán với các tộc người khác.
- B. Yêu cầu của hoạt động trị thủy để phục vụ nông nghiệp.
- C. Yêu cầu của công cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm.
- D. Những chuyển biến cơ bản trong đời sống kinh tế – xã hội.

13. Ý nào dưới đây *không* phải là đặc điểm của Nhà nước Văn Lang – Âu Lạc?

- A. Nhà nước sơ khai, không còn là tổ chức bộ lạc.
- B. Là tổ chức nhà nước điều hành một quốc gia.
- C. Bộ máy còn đơn giản sơ khai, chưa hoàn chỉnh.
- D. Nhà nước ra đời sớm nhất ở khu vực châu Á.

14. Những chuyển biến về mặt xã hội của quốc gia Văn Lang – Âu Lạc bắt nguồn từ

- A. sự chuyển biến về kinh tế.
- B. sự xuất hiện các giai cấp mới.
- C. sự tư hữu hoá trong sản xuất.
- D. sự thay đổi vai trò của đàn ông.

15. Các tầng lớp trong xã hội Văn Lang – Âu Lạc bao gồm

- A. vua, quý tộc, dân tự do, nô lệ.
- B. vua, quý tộc, dân tự do, nô tì.
- C. vua, quý tộc, tư sản, thị dân.
- D. vua, quý tộc, bảo dân, nô lệ.

16. Ý nào dưới đây *không* phản ánh đặc điểm đời sống của cư dân Văn Lang – Âu Lạc?

- A. Lúa gạo là lương thực chính.
- B. Ở nhà sàn, nhuộm răng đen, ăn trâu.

C. Có chữ viết trên cơ sở sáng tạo chữ Phạn.

D. Sùng bái tự nhiên và có tục phồn thực.

17. Một số tục lệ ma chay cưới xin và lễ hội trong quốc gia Văn Lang – Âu Lạc có nguồn gốc từ

A. tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, biết ơn anh hùng dân tộc.

B. những ảnh hưởng của văn hoá Chăm-pa, Phù Nam.

C. những ảnh hưởng của Hin-đô giáo và Phật giáo.

D. sự phát triển mạnh mẽ của nghệ thuật điêu khắc.

18. Việc sử dụng phổ biến công cụ bằng đồng thau kết hợp công cụ bằng sắt đã mang lại hiệu quả nào dưới đây?

A. Vùng đồng bằng các sông lớn được khai phá.

B. Thúc đẩy sự phát triển của ngành gốm mỹ nghệ.

C. Thúc đẩy phát triển nông nghiệp trồng lúa nước.

D. Phổ biến việc dùng cày với sức kéo của trâu, bò.

19. Tổ chức Nhà nước thời Văn Lang – Âu Lạc là

A. Vua – lạc hầu, lạc tướng – lạc dân.

B. Vua – vương công, quý tộc – bổ chính.

C. Vua – lạc hầu, lạc tướng – bổ chính.

D. Hùng vương – lạc hầu, lạc tướng – tù trưởng.

20. Công cụ lao động bằng kim loại xuất hiện đã tạo điều kiện cho người Việt cổ

A. khai thác đồng bằng châu thổ ven sông phát triển nghề nông trồng lúa nước.

B. khai phá vùng đất ở miền núi những vùng cây lâu năm có giá trị kinh tế cao.

C. phát triển mạnh mẽ nghề đúc đồng.

D. sống định cư lâu dài trong các làng bản.

CÂU 1. Quan sát Hình 16.1, 16.2 và đọc các tư liệu về hệ thống giếng cổ ở Gio An (Quảng Trị) và đập Nha Trinh (Ninh Thuận). Từ đó, hãy cho biết cách làm thủy lợi của người Chăm-pa có những ưu điểm nào. Những ưu điểm đó có tác dụng gì đối với sản xuất nông nghiệp hiện nay ở miền Trung Việt Nam?

Tư liệu 16.1. Hệ thống 14 giếng cổ Gio An (Gio Linh, Quảng Trị) được công nhận là Di tích quốc gia năm 2001. Giếng cổ Gio An được xây dựng ven các quả đồi lớn, nhỏ trong hệ đồi ba-dan (bazan) Cồn Tiên, với đặc điểm nổi bật là xây dựng theo phương thức xếp, kê đá, dùng để cung cấp nước cho sinh hoạt và hoạt động nông nghiệp. Kết cấu của giếng phụ thuộc vào từng loại mạch nước, cụ thể là mạch nước ngầm hay mạch nước phun nổi nhưng tất cả các giếng Chăm cổ đều lợi dụng sự chênh lệch về độ cao để tạo ra dòng chảy tự nhiên.

Giếng cổ Gio An có 3 dạng. Một dạng giếng có bể lắng và máng dẫn. Mỗi hệ thống giếng có 3 bậc. Bậc cao nhất là bãi đá rất rộng dùng để hứng nước, được xếp bằng đá cuội lớn, rất cứng. Từ bãi hứng này, nước chảy qua các máng được đeo từ đá tổ ong và chảy xuống bậc thứ 2, gọi là giếng. Giếng cũng được xếp bằng đá cuội lớn, có độ sâu khoảng 1 m. Từ giếng, nước sẽ chảy vào các mương dẫn tưới tiêu cho đồng ruộng bên dưới.

Dạng thứ hai là những bể chứa được đào sâu và xếp bằng đá cuội lớn ngay cửa mạch nước trong sườn đồi trực tiếp chảy ra.

Dạng thứ ba giống giếng khơi vùng nông thôn nhưng cũng có sắp xếp đá thành vòng tròn để chứa nước.

(Ngọc Vũ, Quảng Trị: Khám phá vùng đất có 14 giếng cổ Chăm-pa, trông ra thứ rau đặc sản độc đáo nhất Việt Nam, Báo Dân Việt ngày 04 – 12 – 2021)

Tư liệu 16.2. Đập Nha Trinh là công trình dẫn thủy nhập điền tiêu biểu nhất của Chăm-pa, được xây dựng vào thế kỉ XII thời vua Pô Klông Ga-rai. Hiện nay đập dài 385 m, cao 3 m, rộng 5 m gồm những tầng đá nặng vài tạ, khá vuông vức xếp sát nhau mà vẫn tạo ra những kẽ hở để nước có thể chảy luôn qua nên không bao giờ bị tức nước. Giữa các tầng đá là những bụi cây phun chai, một loài cây thủy sinh có rễ bám chắc vào thân đá để giữ đập. Từ đập Nha Trinh, một hệ thống mương dẫn rất dài cũng được xây dựng, trong đó Mương Chăm dài đến 60 cây số (chính là mương Cái do phụ nữ đào theo truyền thuyết), còn mương Đực (tức mương do nam giới đào) dài khoảng 50 cây số cùng với bốn đập con được xây liền kề để tích nước vào mùa khô đủ tưới cho khoảng 12 000 héc ta đất nông nghiệp.

(Tư liệu tổng hợp)



Hình 16.1. Giếng cổ Gio An (Quảng Trị)



Hình 16.2. Đập Nha Trinh (Ninh Thuận)

.....
.....
.....
.....
.....

CÂU 2. Quan sát Hình 16.3, em hãy cho biết người thợ làm gốm ở Bà Trú chủ yếu thuộc dân tộc gì.



Hình 16.3. Một số hoạt động tại làng gốm Bà Trú (Ninh Thuận)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

CÂU 3. Hãy mô tả mộ thuyền Việt Khê (Hải Phòng) và các mộ chum thuộc văn hoá Sa Huỳnh. Từ các hình thức mai táng này, hãy cho biết quan niệm về sự sống và cái chết của người Việt cổ và người Chăm có điểm giống và khác nhau như thế nào.

STT	Di vật	Mô tả
1	 <p data-bbox="319 896 673 962">Hình 16.4. Mộ thuyền Việt Khê (Hải Phòng)</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
2	 <p data-bbox="319 1321 673 1387">Hình 16.5. Mộ chum Sa Huỳnh (Quảng Ngãi)</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CÂU 6. Hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

1. Quốc gia Lâm Ấp được hình thành ở khu vực nào trên lãnh thổ Việt Nam hiện nay?

- A. Miền Trung và Bắc Trung Bộ. B. Miền Trung và Nam Trung Bộ.
C. Tỉnh Quảng Nam. D. Tỉnh Bình Thuận.

2. Nhà nước Lâm Ấp được hình thành trên cơ sở của nền văn hoá

- A. Phùng Nguyên. B. Đồng Nai. C. Sa Huỳnh. D. Óc Eo.

3. Quốc gia Lâm Ấp về sau đổi tên là

- A. Âu Lạc. B. Chân Lạp. C. Chăm-pa. D. Phù Nam.

4. Hoạt động kinh tế chủ yếu của cư dân Chăm-pa là

- A. nông nghiệp, thủ công nghiệp. B. nông nghiệp trồng lúa nước.
C. chăn nuôi, trồng lúa nước. D. buôn bán bằng đường biển.

5. Thể chế chính trị tồn tại ở Vương quốc Chăm-pa là

- A. chiếm hữu nô lệ. B. dân chủ chủ nô.
C. chuyên chế cổ đại phương Đông. D. quân chủ lập hiến phương Đông.

6. Biểu hiện nào dưới đây chứng tỏ cư dân Chăm-pa đã học hỏi thành tựu văn hoá nước ngoài để sáng tạo và làm phong phú nền văn hoá dân tộc?

- A. Chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của Nho giáo và Đạo giáo Trung Hoa.
B. Hình thành tập tục ăn trầu, ở nhà sàn và hoả táng người chết.
C. Có chữ viết riêng bắt nguồn từ chữ Phạn của người Ấn Độ.
D. Nghệ thuật ca múa nhạc đa dạng và phát triển hưng thịnh.

7. So với các quốc gia Văn Lang – Âu Lạc, kinh tế của quốc gia cổ Chăm-pa có điểm gì khác biệt?

- A. Phát triển khai thác lâm thổ sản và xây dựng đền tháp.
- B. Chủ yếu là nông nghiệp trồng lúa nước sử dụng sức kéo trâu bò.
- C. Chăn nuôi, làm các mặt hàng thủ công mỹ nghệ và đánh cá.
- D. Đúc đồng, làm gốm, buôn bán đường biển phát triển mạnh.

8. Điểm khác nhau về văn hoá của cư dân Văn Lang – Âu Lạc so với cư dân Chăm-pa là gì?

- A. Chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của văn hoá Hin-đu giáo và Phật giáo.
- B. Sự du nhập mạnh mẽ của Nho giáo có nguồn gốc từ Trung Hoa.
- C. Phổ biến tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và các anh hùng dân tộc.
- D. Sáng tạo chữ viết riêng dựa trên chữ Phạn của người Ấn Độ.

9. Đời sống kinh tế của cư dân Chăm-pa có nét đặc sắc nào?

- A. Kỹ thuật xây dựng tháp đạt tới trình độ cao.
- B. Hoạt động ngoại thương đường biển rất phát triển.
- C. Chủ yếu làm nghề nông nghiệp trồng lúa nước.
- D. Các nghề thủ công, khai thác lâm thổ sản rất phát triển.

10. Thành tựu văn hoá nào của cư dân Chăm-pa còn tồn tại đến ngày nay và được công nhận là Di sản văn hoá thế giới?

- A. Tháp Bánh Ít.
- B. Tháp Bà Pô Na-ga (Po Naga).
- C. Thánh địa Mỹ Sơn.
- D. Phố cổ Hội An.

.....
.....
.....
.....
.....
CÂU 2. Hãy quan sát, tìm điểm giống nhau và khác nhau giữa 2 tượng đồng thuộc văn minh Phù Nam với văn minh Chăm-pa.



Hình 17.1. Tượng thần Vis-nu (Vishnu) bằng đồng được tìm thấy năm 1936 tại Kiên Giang (khoảng thế kỉ III – V thuộc văn hoá Óc Eo)



Hình 17.2. Tượng đồng A-va-lo-ki-tét-va-ra (Avalokitesvara) (một dạng của Bồ Tát Quan âm), phát hiện đầu thế kỉ XX tại Quảng Bình thuộc văn minh Chăm-pa

– Điểm giống nhau:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

CÂU 4. Hãy so sánh sự giống nhau và khác nhau của văn minh Phù Nam với 2 nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc và Chăm-pa theo các tiêu chí dưới đây:

– Điểm giống nhau:

Tiêu chí	Văn minh Phù Nam	Văn minh Chăm-pa	Văn minh Văn Lang – Âu Lạc
Niên đại			
Tín ngưỡng tôn giáo			
Phong tục tập quán			
Thành tựu văn hoá nổi bật			

6. Điểm giống nhau về tín ngưỡng của cư dân Chăm-pa và cư dân Phù Nam là

- A. theo tôn giáo Hin-đô và Phật giáo.
- B. có tập tục ăn trâu và hoả táng người chết.
- C. sùng bái tự nhiên và thờ cúng tổ tiên.
- D. có nghệ thuật ca múa độc đáo và phát triển.

7. Điểm giống trong đời sống kinh tế của cư dân Phù Nam với Văn Lang – Âu Lạc và Chăm-pa là gì?

- A. Làm nông trồng lúa, kết hợp với một số nghề thủ công.
- B. Phát triển đánh bắt thuỷ hải sản và khai thác lâm sản.
- C. Đẩy mạnh giao lưu buôn bán với bên ngoài.
- D. Nghề khai thác lâm thổ sản khá phát triển.

8. Kinh tế của Vương quốc Phù Nam so với Văn Lang – Âu Lạc và Chăm-pa có điểm khác biệt nào?

- A. Vương quốc giàu mạnh nhất khu vực Đông Nam Á.
- B. Ngoại thương đường biển phát triển mạnh mẽ.
- C. Đã từng làm chủ một khu vực rộng lớn ở Đông Nam Á.
- D. Thể chế chính trị là nhà nước quân chủ điển hình.

9. Nhân tố quan trọng hàng đầu nào đã đưa đến sự phát triển mạnh mẽ của ngoại thương đường biển ở Phù Nam?

- A. Nông nghiệp phát triển, tạo nhiều sản phẩm dư thừa.
- B. Kỹ thuật đóng tàu có bước phát triển mới.
- C. Điều kiện tự nhiên, vị trí địa lí thuận lợi.
- D. Sự thúc đẩy mạnh mẽ của hoạt động nội thương.

CÂU 1. Đê sông Hồng được hình thành từ thời kì nào và từng bước phát triển ra sao? Vai trò của đê sông Hồng với sự phát triển của kinh tế Đại Việt?



Hình 18.1. “Con đường gốm sứ” trên đê sông Hồng, đoạn gần cầu Long Biên (Hà Nội)

Chân trời sáng tạo

CÂU 2. Lập bảng thống kê các thành tựu của văn minh Đại Việt theo các lĩnh vực dưới đây:

	Nhà Hậu Lê
Chữ viết
Văn học chữ Hán
Văn học chữ Nôm
Sử học
Địa lí
Toán học
Quân sự
Y học
Âm nhạc
Kiến trúc
Điều khắc

CÂU 3. Quan sát Hình 18.2, 18.3, em hãy mô tả hoa văn của gốm Chu Đậu. Vì sao gốm Chu Đậu được đánh giá là đỉnh cao nghệ gốm của Đại Việt.



Hình 18.2. Bình gốm Chu Đậu được trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam



Hình 18.3. Đĩa gốm men đỏ Chu Đậu, được trưng bày tại Bảo tàng Quốc Gia Hà Lan

CÂU 5. Hãy sắp xếp các sự kiện ở cột A cho phù hợp với cột B.

A



1. Tượng vua Lê Đại Hành ở Hoa Lư (Ninh Bình)



2. Tượng Lê Văn Hưu trên con đường danh nhân ở khu đô thị Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

B

a. Mùa thu năm Nhâm Ngọ 1282, khi quân Nguyên đang ráo riết chuẩn bị xâm lược nước ta lần thứ 2, bấy giờ có cá sấu đến sông Lô. Vua Trần Nhân Tông sai Thượng thư bộ Hình làm một bài văn tế bằng chữ Nôm ném xuống sông, con cá sấu tự nhiên đi mất. Vua xem việc này giống như Hàn Dũ (đời nhà Đường – Trung Quốc), cho đổi họ là Hàn. Nhà nghiên cứu Dương Quảng Hàm viết trong *Việt Nam văn học sử yếu* rằng: “Ông là người đầu tiên biết làm thơ phú bằng quốc âm, nên có thể coi là ông tổ của văn nôm”.

b. Ông là người đầu tiên nêu cao khẩu hiệu “Nam được trị Nam nhân” phổ biến y dược học một cách dễ hiểu, dễ làm để nhân dân tự chữa bệnh bằng các phương pháp châm cứu, uống thuốc. Ông còn tuyên truyền phổ biến cách giữ gìn sức khỏe điều độ, vệ sinh trong sinh hoạt. Ông được người đương thời và người đời sau coi là vị “Thánh thuốc Nam”.

Ông để lại 2 bộ sách: *Nam dược thần hiệu* và *Hồng Nghĩa giác Tư Y*.

Ông còn tập hợp những bài thuốc chữa bệnh cho gia súc. Có thể nói, ông đã góp phần đặt cơ sở cho ngành thú y dân tộc của Việt Nam.

A



3. Tượng Nguyễn Thuyên tại đền thờ ở Lương Tài (Bắc Ninh)



4. Tượng Thiên sư Tuệ Tĩnh tại chùa Giám (Cẩm Giàng, Hải Dương)



5. Tượng đồng vua Lê Thánh Tông ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội)

B

c. Đinh Hợi nần thứ 8 (987) (Tổng, Ung Hy năm thứ tư). Mùa xuân, vua bắt đầu cày ruộng tịch điền ở Đọi Sơn, được một chĩnh nhỏ vàng, lại cày ở núi Bàn Hải, được một chĩnh nhỏ bạc, vì thế đặt tên là ruộng Kim Ngân.

(Cao Huy Giu dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, *Đại Việt sử ký toàn thư*, NXB Hồng Đức, Hà Nội, 2020, trang 173)

d. Năm 17 tuổi Ông thi đỗ đầu Bảng nhãn, tước hàng thứ hai trong tam khôi (Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa). Ông là người soạn *Đại Việt sử ký* gồm 30 quyển, hoàn thành năm 1272, được vua Trần Thánh Tông xuống chiếu ban khen.

Theo sử gia Trần Trọng Kim trong tác phẩm *Việt Nam sử lược*, *Đại Việt sử ký* là bộ quốc sử đầu tiên của Việt Nam.

Đại Việt sử ký nay không còn nhưng vẫn có thể thấy thấp thoáng bóng dáng bộ quốc sử đầu tiên này trong *Đại Việt sử ký toàn thư* do sử thần thời Lê là Ngô Sĩ Liên biên soạn.

e. Ông vẫn luôn mong muốn truyền lại y học cho thế hệ sau thông qua những cuốn sách. Bộ "*Hải Thượng Y tông tâm lĩnh*" được ông dày công biên soạn, ghi chép và chắt lọc lại những chân lí ông đã lĩnh hội được từ các đại danh y đời trước và mất gần 10 năm (1760 – 1770) để hoàn thành. Toàn bộ cuốn sách bao gồm 28 tập, 66 quyển về các chuyên ngành nội khoa, sản khoa, phụ khoa, da liễu, nhãn khoa. Đồng thời ông còn phê phán và chỉ ra những điểm không phù hợp khi áp dụng trong điều trị cho người Việt Nam. Đây là cuốn sách chứa đựng những gì tinh túy nhất trong sự nghiệp của người thầy thuốc vĩ đại này và là tài sản vô giá của nền y học Việt Nam.

A

6. Quốc triều hình luật



7. Tượng đài Lê Hữu Trác (Hương Sơn – Hà Tĩnh)



8. Mộc bản và bản dập cuốn Hoàng Việt luật lệ

B

g. Bộ luật này tiếp thu “Đại Thanh luật lệ” về nội dung cũng như cách trình bày in ấn. Một số điều luật đã lược bỏ, thay đổi một số tiểu tiết của luật nhà Thanh cho phù hợp với cách gọi tại Việt Nam. Bộ luật có 398 điều và 30 điều tỉ dẫn, chép trong 22 cuốn.

h. Ông trị vì Đại Việt 38 năm và dưới thời ông, Nho học trở nên chiếm ưu thế. Các bia tiến sĩ ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám được bắt đầu dựng vào thời đại của ông không chỉ có ý nghĩa về lĩnh vực giáo dục, mà chúng thực sự là các công trình văn hoá nghệ thuật đặc sắc, lưu lại tới ngày nay và trở thành di sản văn hoá thế giới.

Năm 1479, Ông giao Ngô Sĩ Liên biên soạn một bộ quốc sử mới mang tên *Đại Việt sử ký toàn thư*, gồm 15 quyển, chép từ thời Hồng Bàng đến khi Lê Thái Tổ đánh đuổi người Minh về nước năm 1428. Bộ sách này còn tồn tại tới ngày nay và là một tư liệu sơ cấp không thể thiếu cho việc nghiên cứu về lịch sử Việt Nam thời trung đại.

i. Văn bản gốc của Bộ luật này hiện nay không còn. Bản còn được giữ lại cho đến ngày nay, được in năm 1777 (Cảnh Hưng thứ 38) gồm 6 quyển, 722 điều. Bộ luật là sự kế thừa và sáng tạo độc đáo các thành tựu luật pháp trước đó để đạt đến đỉnh cao nhất của thành tựu luật pháp phong kiến Việt Nam.

Bộ luật có những đặc điểm tiến bộ và ưu thế hơn hẳn các bộ luật trước và cả sau nó. Thậm chí, nhiều yếu tố còn có ý nghĩa lớn trong việc xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống luật của nước ta hiện nay. Điều tiến bộ nổi bật mà chúng ta thường đề cập đến nhiều nhất chính là sự quan tâm nhiều đến địa vị của người phụ nữ, quan tâm đến quyền lợi của họ, cho họ một sự bình đẳng tương đối đối với đàn ông trong xã hội và người chồng trong gia đình – một điều ít thấy trong các bộ luật phong kiến.

4. Bộ luật nào được biên soạn khá đầy đủ và hoàn chỉnh trong lịch sử Việt Nam từ thế kỉ X – XV?

A. Hình thư.

B. Quốc triều hình luật.

C. Hình luật.

D. Hoàng Việt luật lệ.

5. Những thay đổi trong tổ chức bộ máy nhà nước thời Lê sơ thể hiện điều gì?

A. Chế độ quân chủ tập quyền đạt đến đỉnh cao.

B. Thiết lập chế độ quân chủ chuyên chế tập quyền.

C. Thiết lập chế độ quân chủ chuyên chế quan liêu.

D. Chế độ quân chủ lập hiến đạt đến đỉnh cao.

6. Hồ Nguyên Trừng đã chế tạo thành công

A. súng trường.

B. đại bác

C. súng thần cơ.

D. tàu chiến.

7. Nghề thủ công truyền thống nổi bật của cư dân Đại Việt là

A. làm vũ khí, đúc đồng, thuộc da.

B. làm thủy tinh, đồ trang sức, vàng bạc.

C. làm gốm, chế biến thực phẩm, đúc đồng.

D. đúc đồng, rèn sắt, làm gốm, dệt.

8. Hai câu thơ dưới đây nói về sự thịnh vượng của nền nông nghiệp Đại Việt dưới triều đại nào?

“Đời vua Thái tổ, Thái tông.

Thóc lúa đầy đồng trâu chẳng buồn ăn”.

A. Triều Lý.

B. Triều Trần.

C. Triều Hồ.

D. Triều Lê sơ.

9. Đề “quai vạc” được hình thành bắt đầu từ triều đại nào trong nền văn minh Đại Việt?

A. Triều Lý.

B. Triều Trần.

C. Triều Hồ.

D. Triều Lê sơ.

10. Các vua thời Tiền Lê, Lý hằng năm tổ chức “lễ tịch điền” nhằm mục đích gì?

A. Khuyến khích sản xuất nông nghiệp.

B. Khuyến khích khai khẩn đất hoang.

- C. Khuyến khích bảo vệ, tôn tạo đền đài.
- D. Khuyến khích sản xuất nông, lâm nghiệp.

11. Các quan xưởng được thành lập nhằm mục đích gì?

- A. Đúc tiền, vũ khí, đóng thuyền chiến, may mũ áo cho vua quan.
- B. Đúc tiền, làm gốm sứ, đóng thuyền chiến, may mũ áo cho vua quan.
- C. Đúc tiền, vũ khí, làm tơ lụa, đồng hồ, may mũ áo cho vua quan.
- D. Đúc tiền, vũ khí, đóng thuyền chiến, làm tranh sơn mài để xuất khẩu.

12. Nguyên nhân nào là quan trọng nhất dẫn đến sự phát triển thủ công nghiệp Đại Việt trong các thế kỉ X – XV?

- A. Đất nước độc lập, thống nhất và sự phát triển của nông nghiệp.
- B. Nhà nước đã có nhiều chính sách để phát triển các làng nghề.
- C. Nhân dân có nhu cầu tiếp thu thêm các nghề mới từ bên ngoài.
- D. Nhu cầu sử dụng các mặt hàng thủ công trong nước tăng nhanh.

13. Dựa trên cơ sở chữ Hán, cư dân Đại Việt đã sáng tạo ra loại chữ viết nào?

- A. Chữ Quốc ngữ.
- B. Chữ Hán Việt.
- C. Chữ La-tinh.
- D. Chữ Nôm.

14. Chùa Một Cột là công trình kiến trúc được xây dựng mô phỏng theo hình dáng

- A. bông hoa sen.
- B. bông hoa cúc.
- C. chiếc lá bồ đề.
- D. bông hoa đại.

15. Vì sao Nho giáo sớm trở thành hệ tư tưởng của chế độ phong kiến ở Đại Việt?

- A. Được phổ biến rộng rãi trong nhân dân.
- B. Góp phần củng cố quyền lực của giai cấp thống trị.
- C. Chung sống hoà bình với các tín ngưỡng dân gian.
- D. Nội dung dễ tiếp thu, nhân dân dễ tiếp cận.

16. Người đã xuất gia tu tập và lập ra Thiên phái Trúc Lâm Đại Việt là ai?

- A. Vua Lý Thái Tổ.
- B. Vua Trần Thái Tông.
- C. Vua Trần Nhân Tông.
- D. Vua Lý Nhân Tông.

17. Sự hưng khởi của các đô thị Đại Việt trong các thế kỉ XI – XVIII do yếu tố nào?

- A. Xuất hiện nhiều đô thị lớn như Thăng Long, Phố Hiến.
- B. Nhiều thương nhân châu Âu, Nhật Bản đến buôn bán.
- C. Các chợ làng, chợ huyện, chợ phủ mọc lên khắp nơi.
- D. Sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế hàng hoá.

18. Em hãy cho biết câu ca dao dưới đây nói lên điều gì.

“Đình Bảng bán ấm, bán khay

Phù Lưu họp chợ mỗi ngày một đông”.

- A. Sự phát triển của thủ công nghiệp.
- B. Sự xuất hiện nhiều nghề thủ công mới.
- C. Sự phát triển của ngành nông nghiệp.
- D. Sự phát triển của buôn bán nội địa.

19. Việc chữ Nôm trở thành chữ viết chính thống thay thế chữ Hán thời Tây Sơn thể hiện điều gì?

- A. Sự suy thoái của Nho giáo.
- B. Ý thức tự tôn dân tộc.
- C. Tính ưu việt của ngôn ngữ.
- D. Tinh thần sáng tạo của dân tộc.

20. Từ chính sách giáo dục Nho học của Đại Việt có thể rút ra được bài học kinh nghiệm gì cho nền giáo dục Việt Nam hiện nay?

- A. Phát triển giáo dục khoa học xã hội.
- B. Phát triển giáo dục khoa học tự nhiên.
- C. Phải duy trì nền giáo dục Nho học.
- D. Xây dựng nền giáo dục toàn diện.

CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM

Bài 19

CÁC DÂN TỘC TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

CÂU 1. Hãy tìm hiểu thành phần dân tộc nơi em sinh sống (phường/xã/thị trấn) và hoàn thành nội dung theo bảng dưới đây:

STT	Dân tộc	Số dân	Ngữ hệ	Hoạt động sản xuất chính	Hoạt động văn hoá chính
1
2
3
...

CÂU 2. Tìm hiểu và hoàn thành bảng thông tin về đời sống vật chất và tinh thần một số dân tộc dưới đây:

	Khmer	Mường	Ê Đê	H'Mông	Hoa	Tày
Số dân
Ngữ hệ
Nhóm ngôn ngữ
Địa bàn cư trú chính
Tín ngưỡng, tôn giáo
Ngành sản xuất chính

Lễ hội nổi bật
Di sản văn hoá

CÂU 3. Tìm hiểu và cho biết nét đặc trưng về trang phục của một số dân tộc dưới đây:



Hình 19.1. Người Ba Na



Hình 19.2. Người Gia Rai

Bộ trang phục gồm:.....

.....

Hoa văn:.....

.....

.....

Bộ trang phục gồm:.....

.....

Hoa văn:.....

.....

.....



Hình 19.3. Người Nùng

Bộ trang phục gồm:.....

.....

Hoa văn:.....

.....

.....



Hình 19.4. Người Thổ Nghệ An

Bộ trang phục gồm:.....

.....

Hoa văn:.....

.....

.....



Hình 19.5. Người Hà Nhì

Bộ trang phục gồm:.....

.....

Hoa văn:.....

.....

.....



Hình 19.6. Người La Chí

Bộ trang phục gồm:.....

.....

Hoa văn:.....

.....

.....

CÂU 7. Hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

1. Ngữ hệ nào có nhiều dân tộc sử dụng nhất?

- A. Nam Á. B. H'Mông – Dao. C. Thái – Ka-đai. D. Hán – Tạng.

2. Các dân tộc ở Việt Nam phổ biến hình thức cư trú

- A. xen kẽ. B. vừa tập trung vừa xen kẽ.
C. tập trung. D. tập trung khá phổ biến.

3. Các dân tộc ở Việt Nam chủ yếu hoạt động sản xuất trong lĩnh vực nào?

- A. Thủ công nghiệp. B. Nông nghiệp.
C. Xây dựng đền đài. D. Thương nghiệp.

4. Vì sao ngày nay các dân tộc có xu hướng sử dụng trang phục giống người Kinh?

- A. Để hoà hợp, đoàn kết dân tộc.
B. Đẹp hơn trang phục truyền thống.
C. Do thay đổi môi trường sống.
D. Thuận tiện trong lao động và đi lại.

5. Các dân tộc ở Tây Nguyên, Tây Bắc thường làm nhà ở như thế nào?

- A. Nhà trệt. B. Nhà sàn.
C. Nhà trình tường. D. Nhà nền đất.

6. Tín ngưỡng truyền thống nào mà hầu hết các dân tộc ở Việt Nam đều thực hiện?

- A. Thờ cúng tổ tiên. B. Thờ cúng Thánh Gióng.
C. Thờ sinh thực khí. D. Thờ cúng Thánh Tản Viên.

7. Các lễ hội của các dân tộc ở Việt Nam thường gắn liền với những hoạt động sản xuất nào?

- A. Công nghiệp. B. Thương nghiệp.
C. Nông nghiệp. D. Thủ công nghiệp.

8. Lễ hội nào thực hiện các nghi thức thờ cúng Hùng Vương?

- A. Lễ hội chùa Hương.
- B. Lễ hội Cầu mùa.
- C. Lễ hội Cồng chiêng.
- D. Lễ hội Đền Hùng.

9. Không gian văn hoá nào được UNESCO ghi danh là Kiệt tác truyền khẩu và di sản văn hoá phi vật thể của nhân loại?

- A. Nghệ thuật múa xoè Thái.
- B. Đờn ca tài tử Nam Bộ.
- C. Cồng chiêng Tây Nguyên.
- D. Nghệ thuật bài chòi Trung Bộ.

10. Các lễ hội gắn với nông nghiệp thường có mục đích gì?

- A. Bày tỏ lòng biết ơn sự che chở và phù hộ của thần linh với cộng đồng.
- B. Bày tỏ lòng biết ơn sự che chở và phù hộ của tổ tiên với gia tộc.
- C. Giữ gìn và truyền thừa bản sắc văn hoá truyền thống của các dân tộc.
- D. Gửi gắm ước mong về một cuộc sống tốt đẹp, mùa màng bội thu.

11. Thực hành Then – Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại là của những dân tộc nào ở Việt Nam?

- A. Mường, Tày, Thái.
- B. Tày, Nùng, Thái.
- C. Dao, Thái, Nùng.
- D. Ê Đê, Ba Na, Gia Rai.

12. Nhận định nào dưới đây không phải là vai trò nhà Rông ở Tây Nguyên?

- A. Lưu trữ, thờ cúng những hiện vật giống thần bản mệnh của dân làng.
- B. Nơi tổ chức lễ hội hay các lễ cúng thường niên và không thường niên.
- C. Nơi tổ chức các hội chợ buôn bán, triển lãm hàng hoá.
- D. Nơi phân xử các vụ kiện tụng, tranh chấp của dân làng.

13. Các dân tộc ở Việt Nam đều có các di sản phi vật thể cần bảo tồn trong lĩnh vực nào?

- A. Nghệ thuật hội hoạ.
- B. Nghệ thuật điêu khắc.
- C. Các lễ hội tôn giáo.
- D. Nghệ thuật âm nhạc.

CÂU 1. Hãy đọc đoạn văn sau và nêu nhận xét của em về chính sách đối với các dân tộc ít người của nhà Trần. Chính sách này đã được gìn giữ như thế nào qua các triều đại phong kiến và tiếp tục đến ngày nay?

“Trịnh Giác Mật ở đạo Đà Giang làm phản. Vua sai Chiêu Văn Vương Nhật Duật đi dụ hàng. Bấy giờ Nhật Duật coi đạo Đà Giang, ngầm đem quân thuộc hạ đến. Trịnh Giác Mật sai người đến quân doanh bày tỏ lòng thành: “Mật không dám trái mệnh. Nếu ân chúa một mình một ngựa đến thì Mật xin hàng”. Nhật Duật nhận lời, chỉ đem 5, 6 tiểu đồng cùng đi. Quân sĩ ngăn lại, Nhật Duật nói: “Nếu nó giáo giở với ta thì triều đình còn có vương khác đến”. Khi tới trại, người Man dàn vây mấy chục lớp và đều cầm đao thương chia vào phía trong. Nhật Duật đi thẳng vào, trèo lên trại. Mật mời ông ngồi. Nhật Duật thạo biết tiếng nói và am hiểu phong tục của nhiều nước, cũng ăn bốc, uống bằng mũi với Mật. Người Man thích lắm. Khi Nhật Duật trở về, Mật đem gia thuộc đến doanh trại đầu hàng. Mọi người đều vui lòng kính phục vì không mất một mũi tên mà bình được Đà Giang. Đến khi về kinh sư, Nhật Duật đem Mật và vợ con hấn vào chầu, vua rất khen ngợi ông. Sau đó, vua cho Mật về nhà, giữ con hấn ở lại kinh đô. Nhật Duật mẫn nuôi hết lòng, xin triều đình ban tước thưởng phẩm và cho vào trông ao cá, sau cũng cho về nhà”.

(Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập II, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998, trang 46)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CÂU 2. Hãy hoàn thành bảng thông tin về các anh hùng dân tộc ít người đã góp công chiến đấu bảo vệ độc lập dân tộc trong thời kì phong kiến của Việt Nam.

STT	Họ tên	Dân tộc	Triều đại	Đóng góp tiêu biểu
1	Thần Cảnh Phúc
2	Dương Tự Minh
3	Nùng Tông Đản
4	Hà Bồng
5	Hà Chương
6	Lê Lai
7	Xa Khả Tham

CÂU 3. Hãy hoàn thành bảng thông tin về các anh hùng dân tộc ít người đã tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ.

STT	Họ tên	Dân tộc	Thời kì	Đóng góp tiêu biểu
1	Điêu Cải
2	La Văn Cầu
3	Trần Bội Cơ
4	Vừ A Dính
5	Bế Văn Đàn
6	Kim Đồng
7	Hồ Kan Lịch
8	Kpă KLong
9	N'Trang Lơng
10	Đinh Núp
11	Hoàng Văn Thụ
12	A Tranh (A Niêk)

2. Hồ Chí Minh từng căn dặn: Đại đoàn kết dân tộc phải luôn luôn được nhận thức là vấn đề, quyết định thành bại của cách mạng.

- A. cơ bản B. quan trọng C. sống còn D. then chốt

3. Để thực hiện đoàn kết dân tộc, Đảng và Nhà nước đã đề ra chính sách gì?

- A. Tôn giáo. B. Dân tộc. C. Mặt trận. D. Xã hội.

4. Trong các tổ chức dưới đây, tổ chức nào *không* phải là thành viên của Mặt trận Tổ quốc?

- A. Các tổ chức chính trị – xã hội.
B. Các tổ chức xã hội đoàn thể.
C. Bộ máy nhà nước.
D. Các đảng phái chính trị.

5. Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước gồm những nguyên tắc cơ bản nào?

- A. Thực hiện sự bình đẳng giữa các dân tộc trên mọi lĩnh vực.
B. Bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.
C. Phát huy truyền thống đoàn kết trong lịch sử dựng và giữ nước.
D. Các dân tộc cùng giúp nhau phát triển kinh tế, chính trị, xã hội.

6. Chọn cụm từ thích hợp thay thế dấu ba chấm để hoàn chỉnh nội dung sau: “Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa, cơ bản, nhất quán và lâu dài, xuyên suốt tiến trình cách mạng”.

- A. chiến lược B. to lớn C. sách lược D. cơ bản

7. Nhận định nào dưới đây *không* phải là vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc?

- A. Củng cố, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân.
B. Phát huy đại đoàn kết cộng đồng các dân tộc.

- C. Đề ra các chính sách phát triển kinh tế toàn dân.
- D. Củng cố, mở rộng đoàn kết cộng đồng các dân tộc.

8. Động lực chủ yếu của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ở nước ta hiện nay là gì?

- A. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc.
- B. Đẩy mạnh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.
- C. Tranh thủ nguồn vốn đầu tư của nước ngoài.
- D. Nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

9. Mục tiêu cấp bách trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước về kinh tế là gì?

- A. Hỗ trợ đồng bào về đất đai, thuế và vay vốn để phát triển sản xuất.
- B. Hỗ trợ đồng bào mua giống cây trồng, phân bón, vật tư, gia súc.
- C. Phát triển các ngành sản xuất phù hợp với đặc điểm, điều kiện từng vùng dân tộc.
- D. Huy động các nguồn lực để xoá đói, giảm nghèo, nâng cao mức sống của đồng bào.

10. Ngoài mục tiêu kinh tế, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay đặc biệt chú trọng lĩnh vực nào?

- A. Chăm sóc y tế.
- B. Giáo dục và đào tạo.
- C. Xây dựng hệ thống giao thông.
- D. Xây dựng các công trình văn hoá.

MỤC LỤC

Lời nói đầu	2
CHƯƠNG I. LỊCH SỬ VÀ SỬ HỌC. VAI TRÒ CỦA SỬ HỌC	
Bài 1. Hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử	3
Bài 2. Tri thức lịch sử và cuộc sống	8
Bài 3. Sử học với các lĩnh vực khoa học khác	13
Bài 4. Sử học với một số lĩnh vực, ngành nghề hiện đại	18
CHƯƠNG II. MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI KÌ CỔ – TRUNG ĐẠI	
Bài 5. Khái quát lịch sử văn minh thế giới cổ – trung đại	24
Bài 6. Văn minh Ai Cập cổ đại	29
Bài 7. Văn minh Trung Hoa cổ – trung đại.....	35
Bài 8. Văn minh Ấn Độ cổ – trung đại	42
Bài 9. Văn minh Hy Lạp – La Mã cổ đại	48
Bài 10. Văn minh Tây Âu thời Phục hưng	55
CHƯƠNG III. CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP TRONG LỊCH SỬ THẾ GIỚI	
Bài 11. Các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại	63
Bài 12. Các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại	70
CHƯƠNG IV. VĂN MINH ĐÔNG NAM Á CỔ – TRUNG ĐẠI	
Bài 13. Cở sở hình thành văn minh Đông Nam Á thời cổ – trung đại	78
Bài 14. Hành trình phát triển và thành tựu văn minh Đông Nam Á thời cổ – trung đại..	84
CHƯƠNG V. MỘT SỐ NỀN VĂN MINH TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858)	
Bài 15. Văn minh Văn Lang – Âu Lạc	89
Bài 16. Văn minh Chăm-pa	99
Bài 17. Văn minh Phù Nam	105
Bài 18. Văn minh Đại Việt	112
CHƯƠNG VI. CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM	
Bài 19. Các dân tộc trên đất nước Việt Nam	123
Bài 20. Khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam	130

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: TRẦN THỊ KIM NHUNG

Biên tập mỹ thuật: PHẠM THỊ HẠ LIÊN

Thiết kế sách: PHẠM THỊ HẠ LIÊN

Trình bày bìa: THÁI HỮU DƯƠNG

Sửa bản in: TÔ HỒNG PHẦN

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

BÀI TẬP LỊCH SỬ 10 (Chân trời sáng tạo)

Mã số: G2BHX001M22

In.....bản, (QĐ in số...) Khổ 17 x 24 cm.

Đơn vị in:.....

Cơ sở in:.....

Số ĐKXB: 1146-2022/CXBIPH/8-708/GD

Số QĐXB: ... ngày... tháng... năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng... năm 20...

Mã số ISBN: 978-604-0-32733-8



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ BÀI TẬP LỚP 10 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. Bài tập
NGŨ VĂN 10, TẬP MỘT
2. Bài tập
NGŨ VĂN 10, TẬP HAI
3. Bài tập
TOÁN 10, TẬP MỘT
4. Bài tập
TOÁN 10, TẬP HAI
5. TIẾNG ANH 10
Friends Global - Workbook
6. Bài tập
LỊCH SỬ 10
7. Bài tập
ĐỊA LÍ 10
8. Bài tập
VẬT LÍ 10
9. Bài tập
HOÁ HỌC 10
10. Bài tập
SINH HỌC 10
11. Bài tập
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,
HƯỚNG NGHIỆP 10 (BẢN 1)
12. Bài tập
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,
HƯỚNG NGHIỆP 10 (BẢN 2)
13. Bài tập
GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10
14. Bài tập
GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 10

Chân trời sáng tạo

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
 - **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
 - **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
 - **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long
- Sách điện tử:** <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhủ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chìa khoá.



ISBN 978-604-0-32733-8



9 786040 327338

Giá: 19.000 đ